

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1718/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Gây mê hồi sức năm 2022-2023

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-BVĐHYD ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Gây mê hồi sức năm 2022-2023;

Xét Đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 04/TTr-TCG ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Gây mê hồi sức năm 2022-2023 và Báo cáo thẩm định số .03./BCTĐ-TTĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Gây mê hồi sức năm 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Gây mê hồi sức năm 2022-2023 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu, số danh mục, giá trúng thầu như sau:

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
1	1	Công ty TNHH thiết bị y tế ETC	4	583.800.000
2	2	Công ty Cổ phần thiết bị y tế Bách Việt	3	1.174.500.000
3	3	Công ty TNHH máy trợ thính và thiết bị thính học Cát Tường	4	9.379.368.000



fu

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
4	4	Công ty TNHH một thành viên CVS medical	1	96.000.000
5	6	Công ty Cổ phần công nghệ Tây Bắc Á	1	150.000.000
6	7	Công ty Cổ phần y tế Nhất Minh	3	1.437.500.000
7	8	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hoàng Bình	6	728.140.000
8	10	Công ty TNHH thương mại thiết bị y tế An Lợi	1	924.420.000
9	11	Công ty Cổ phần thiết bị Metech	3	439.560.000
10	12	Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y	16	2.303.000.000
11	13	Công ty TNHH công nghệ An Pha	2	1.360.000.000
12	14	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Kim Hòa Phát	2	5.330.100.000
13	15	Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	35	4.133.206.056
14	16	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương	3	146.619.000
15	18	Công ty Cổ phần thiết bị y tế CTH	1	89.000.000
16	19	Công ty TNHH thương mại tổng hợp Vinatrading	6	3.118.214.000
17	20	Công ty TNHH Xuân Vy	2	265.500.000
18	21	Công ty Cổ phần thương mại - dịch vụ - xuất nhập khẩu Viên Phát	16	4.089.906.240
19	22	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương Codupha	19	30.109.369.801
20	23	Công ty TNHH phát triển kỹ thuật y tế M.D.T	3	219.762.900
21	24	Công ty TNHH Vật liệu Y Tế Việt	4	1.719.165.000

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
22	25	Công ty TNHH Mega Lifesciences (Việt Nam)	1	35.160.000
23	26	Công ty Cổ phần thương mại và dược phẩm Tân Thành	1	41.040.000
24	28	Công ty TNHH thiết bị y tế Đỉnh Cao	14	2.611.152.196
25	29	Công ty TNHH Một thành viên Huệ Chi	2	171.360.000
26	30	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương	46	14.381.286.650
27	31	Công ty TNHH Vật tư y tế Phương Lan	7	510.380.000
28	32	Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế Hoàng Việt Long	4	1.265.040.000
29	33	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín	10	313.101.400
30	34	Công ty TNHH Dược phẩm Đan Lê	2	102.387.000
31	36	Công ty TNHH thương mại Mai Phương Phát	3	3.775.000.000
32	37	Công ty TNHH IDS medical systems Việt Nam	11	1.221.600.000
33	38	Công ty TNHH Toàn Ánh	1	34.500.000
34	39	Công ty TNHH giải pháp khoa học Làn Da	1	49.500.000
35	40	Công ty TNHH sản xuất thương mại Hạnh Minh	4	3.067.545.000
36	42	Công ty TNHH thương mại Ánh Sáng Xanh	2	445.200.000
37	44	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật An Pha	1	12.000.000
38	46	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ kỹ thuật Hoàng Lộc	3	464.730.000
39	47	Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Trọng Tín	5	1.090.855.500



Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
40	49	Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Hạnh Nguyên	8	5.199.004.000
41	51	Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật Xuất Nhập Khẩu Huy Hoàng	6	1.487.772.500
42	52	Công ty TNHH thiết bị y tế Y Phương	34	3.293.807.832
43	53	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Công Nghệ Xanh	2	939.353.940
44	55	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	1	219.600.000
45	56	Công ty TNHH thiết bị y tế Bình Minh	2	226.800.000
46	57	Công ty TNHH Huy Thông	3	1.313.130.000
47	59	Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Thăng Long Quốc Tế	5	2.226.000.000
48	60	Công ty Cổ phần kỹ thuật Thái Dương	7	1.417.100.000
49	61	Công ty TNHH thiết bị và công nghệ Tân Đại Thành	3	358.000.000
50	62	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình	4	363.825.000
51	63	Công ty TNHH y tế Việt Tiến	5	976.319.380
52	64	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Khoa	17	7.175.139.358
53	65	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ - y tế Định Giang	7	515.939.000
54	67	Công ty TNHH thiết bị y tế Khải Vinh	4	75.600.300
Tổng cộng: 54 nhà thầu			361	123.176.360.053

- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm

- Danh sách không trúng thầu (danh mục không có nhà thầu dự thầu hoặc tất cả các HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT): Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao) (8).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Bắc



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC TRÚNG THẦU
(Đính kèm theo Quyết định số 171/QĐ-BVĐHYD ngày 8/08/2022)

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1. Công ty TNHH thiết bị y tế ETC (Mã HSDT: 1)														
1	37	3	Bóng nong đường mật, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ từ 8-10-12mm	Bóng nong đường mật CRE™ PRO	M00558600; M00558610; M00558620	Boston Scientific	Ireland	Boston Scientific	Mỹ	Cái/ gói	cái	20	6.100.000	122.000.000
2	248	3	Stent kim loại đường mật bằng nitinol qua ống soi ERCP, đường kính 10mm, dài 4/6/8cm	Stent kim loại đường mật Wallflex Biliary	M00570720; M00570730; M00570740; M00570890; M00570640; M00570650;	Boston Scientific	Ireland	Boston Scientific	Mỹ	Cái/ hộp	Cái	20	21.000.000	420.000.000
3	426	3	Dao cắt khối nang giả tụy cỡ 6Fr, dài 200cm	Dao cắt Cystotome 6Fr	99 02 38 92	MTW	Đức	MTW	Đức	Cái/ gói	Cái	2	8.400.000	16.800.000
4	496	3	Thiết bị xilanh, áp kế	Thiết bị xilanh/áp kế sử dụng 1 lần Alliance™ II	M00550601	Boston Scientific	Ireland	Boston Scientific	Mỹ	Cái/ hộp	cái	10	2.500.000	25.000.000
Tổng:	4	danh mục											Giá trị:	583.800.000
2. Công ty Cổ phần thiết bị y tế Bách Việt (Mã HSDT: 2)														
5	312	3	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.035", dài 80-> 150cm	Titanium Super Guidewires - Dây dẫn đường niệu quản thẳng mềm bằng nitinol phủ Hydrophilic, dài 150cm, đường kính 0.035"	GTHS 150-35	Marflow AG	Thụy Sĩ	Marflow AG	Thụy Sĩ	Hộp/ 1 cái	Cái	400	800.000	320.000.000
6	352	3	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 3Fr, dài ≥ 90cm, độ mở rọ chứa 30mm	Stone Baskets - Rọ lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, 4 dây hình xoắn ốc Helical màu xanh dài 90cm	SE 3-490-H	Marflow AG	Thụy Sĩ	Marflow AG	Thụy Sĩ	Hộp/ 1 cái	Cái	150	2.030.000	304.500.000



Handwritten signature

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
7	355	3	Ông thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicon, cỡ 6, 7, 8Fr, dài 26cm	Ureteral Stents- Ông thông double J 100% silicone, cỡ 6, 7Fr, dài 26cm	SOT-S-626, SOT-S-726	Marflow AG	Thụy Sĩ	Marflow AG	Thụy Sĩ	Hộp/ 5 cái	Cái	500	1.100.000	550.000.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	1.174.500.000
	3. Công ty TNHH máy trợ thính và thiết bị thính học Cát Tường (Mã HSDT: 3)													
8	431	3	Bộ cấy trong ốc tai điện tử loại 1	Thiết bị trợ thính điện cực ốc tai (Điện cực ốc tai uốn vòng)	Cochlear™ Nucleus® CI24RE(CA) Cochlear Implant with Contour Advance® Electrode Mã hàng: Z560582	Cochlear/ Australia	Australia	Cochlear/ Australia	Australia	Hộp/Bộ	Bộ	6	390.807.000	2.344.842.000
9	432	3	Bộ cấy trong ốc tai điện tử loại 2	Thiết bị trợ thính điện cực ốc tai (Điện cực ốc tai uốn vòng)	Cochlear™ Nucleus® CI512 Cochlear Implant with Contour Advance® Electrode Mã hàng: Z209051	Cochlear/ Australia	Australia	Cochlear/ Australia	Australia	Hộp/Bộ	Bộ	6	390.807.000	2.344.842.000
10	433	3	Bộ cấy trong ốc tai điện tử loại 3	Thiết bị trợ thính điện cực ốc tai (Điện cực ốc tai thẳng mảnh)	Cochlear™ Nucleus® CI422 Cochlear Implant with Slim Straight Electrode Mã hàng: Z560575	Cochlear/ Australia	Australia	Cochlear/ Australia	Australia	Hộp/Bộ	Bộ	6	390.807.000	2.344.842.000

			MT	Thông tin sản phẩm dự thầu										
			Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
11	434	3	Bộ cấy trong ốc tai điện tử loại 4	Thiết bị trợ thính điện cực ốc tai (Điện cực ốc tai thẳng)	Cochlear™ Nucleus® CI24RE(ST) Cochlear Implant with Straight Electrode Mã hàng: Z560583	Cochlear/ Australia	Australia	Cochlear/ Australia	Australia	Hộp/Bộ	Bộ	6	390.807.000	2.344.842.000
Tổng:			4	danh mục									Giá trị:	9.379.368.000
4. Công ty TNHH một thành viên CVS medical (Mã HSDT: 4)														
12	50	3	Ống dẫn lưu đường mắt, thân qua da, dài 40cm	Ống dẫn lưu đường mắt, thân qua da, dài 40 cm, các cỡ loại Origin Drainage Catheter	CCL2-.....	Uresil	Mỹ	Uresil	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	50	1.920.000	96.000.000
Tổng:			1	danh mục									Giá trị:	96.000.000
5. Công ty Cổ phần công nghệ Tây Bắc Á (Mã HSDT: 6)														
13	453	4	Bộ chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau	Bộ Cassette chứa dịch truyền 100ml có khóa đồng	Cassette 21-7302-24 Dây truyền 21-7045-24	Smiths Medical ASD	Mexico	Smiths Medical ASD	Mĩ	01 gói/ 01 bộ	Bộ	300	500.000	150.000.000
Tổng:			1	danh mục									Giá trị:	150.000.000
6. Công ty Cổ phần y tế Nhất Minh (Mã HSDT: 7)														
14	255	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, điều chỉnh lồi thị	Thủy tinh thể mềm đa tiêu cự Tecnis Synergy IOL OptiBlue	Mã hàng: ZFR00V	AMO	Mỹ/ Hà Lan	Johnson & Johnson Surgical Vision	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	10	25.000.000	250.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành (VND)
15	256	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị	Thủy tinh thể mềm điều chỉnh loạn thị Tecnis Aspheric IOL Toric	Mã hàng: ZCT100, ZCT150, ZCT225, ZCT300, ZCT375, ZCT450, ZCTS25, ZCT600, ZCT700, ZCT800.	AMO	Mỹ/ Hà Lan	Johnson & Johnson Surgical Vision	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	20	11.000.000	220.000.000
16	259	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu	Thủy tinh thể mềm Tecnis 1 Aspheric IOL	Mã hàng: ZCB00	AMO	Mỹ	Johnson & Johnson Surgical Vision	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	250	3.870.000	967.500.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	1.437.500.000
7. Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hoàng Bình (Mã HSDT: 8)														
17	138	6	Chỉ khâu liền kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 29G 40mm/50mm	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim JBP V-Line 29G40mm	29046A	Feel-tech Co., Ltd	Hàn Quốc	JBP Korea Co.,Ltd	Hàn Quốc	25 cây/ gói bạc	Cây	13.000	41.800	543.400.000
18	139	6	Chỉ khâu liền kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 29G 50mm/70mm, chỉ trơn không gai	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim JBP V-Line 29G50mm	29056A	Feel-tech Co., Ltd	Hàn Quốc	JBP Korea Co.,Ltd	Hàn Quốc	25 cây/ gói bạc	Cây	500	41.800	20.900.000
19	140	6	Chỉ khâu liền kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 25G 50mm/70mm, chỉ xoắn	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim DS-25-02	DS-25-02	21 Century Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	21 Century Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	10 cây/gói	Cây	480	95.000	45.600.000
20	141	6	Chỉ khâu liền kim dùng điều trị và trẻ hóa làn da cỡ 31G 30mm/30mm	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim JBP V-Line 31G30mm	31037A	Feel-tech Co., Ltd	Hàn Quốc	JBP Korea Co.,Ltd	Hàn Quốc	25 cây/ gói bạc	Cây	600	41.800	25.080.000

theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu											
Mã HSMT	Mã T 14 theo HSMT	Mã nhóm	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
21	142	6	Chỉ khâu liền kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 18G, dài 100mm/185mm	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim JBP Vline Force 18G100mm	LF-FTN1880G	Feel-tech Co., Ltd	Hàn Quốc	JBP Korea Co.,Ltd	Hàn Quốc	1 cây/ tếp. Gói bạc 8 tếp	Cây	192	355.000	68.160.000
22	144	6	Chỉ khâu liền kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 19G, dài 100mm/200mm	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim L-F-19-40	L-F-19-40	21 Century Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	21 Century Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	tếp/ 4 cây	Cây	100	250.000	25.000.000
Tổng: 6			danh mục										Giá trị:	728.140.000
8. Công ty TNHH thương mại thiết bị y tế An Lợi (Mã HSMT: 10)														
23	228	6	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 chân	Tay dao cắt đốt 2 nút bấm sử dụng 1 lần	803 07	Yueh Sheng Electronic Industrial Co.,Ltd	Đài Loan (Trung Quốc)	Yueh Sheng Electronic Industrial Co.,Ltd	Đài Loan (Trung Quốc)	Gói/ 1 cái	Cái	28.400	32.550	924.420.000
Tổng: 1			danh mục										Giá trị:	924.420.000
9. Công ty Cổ phần thiết bị Metech (Mã HSMT: 11)														
24	396	3	Clip mạch máu cỡ 5.73 x 9.05mm	Clip kẹp mạch máu bằng Titanium cỡ trung bình lớn (ML)	50120	Teleflex Medical	Mỹ	Teleflex Medical	Mỹ	6 cái/vi; hộp 20 vi	Cái	5.400	33.000	178.200.000
25	399	3	Clip mạch máu cỡ 3.02 x 5.96mm	Clip kẹp mạch máu bằng Titanium cỡ trung bình (M)	40130	Teleflex Medical	Mỹ	Teleflex Medical	Mỹ	6 cái/vi; hộp 30 vi	Cái	5.760	33.000	190.080.000
26	406	3	Clip mạch máu cỡ 2.08 x 3.73mm	Clip kẹp mạch máu bằng Titanium cỡ Nhỏ (S)	30130	Teleflex Medical	Mỹ	Teleflex Medical	Mỹ	6 cái/vi; hộp 30 vi	Cái	2.160	33.000	71.280.000
Tổng: 3			danh mục										Giá trị:	439.560.000
10. Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y (Mã HSMT: 12)														
27	222	3	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mở, đường kính 2.64mm, dài 7.95cm	Đầu mũi dao 23kHz cỡ lớn (phụ kiện dao mổ siêu âm)	C4605S	Integra LifeSciences (Ireland) Limited; Integra NeuroSciences PR	Ireland; Mỹ	Integra LifeSciences Corporation	Mỹ	Hộp/4 cái	Cái	10	14.200.000	142.000.000

Handwritten signature/initials.

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
28	223	3	Đầu dao 36khz, đường kính 1.14mm, dài 11.49cm	Đầu mũi dao 36kHz mài xương (phụ kiện dao mổ siêu âm)	C4616S	Integra LifeSciences (Ireland) Limited; Integra NeuroSciences PR	Ireland; Mỹ	Integra LifeSciences Corporation	Mỹ	Hộp/4 cái	Cái	2	20.000.000	40.000.000
29	225	3	Đầu dao 36khz, đường kính 1.98mm, dài 4.57cm	Đầu mũi dao 36kHz cỡ chuẩn (phụ kiện dao mổ siêu âm)	C4612S	Integra LifeSciences (Ireland) Limited; Integra NeuroSciences PR	Ireland; Mỹ	Integra LifeSciences Corporation	Mỹ	Hộp/4 cái	Cái	8	11.500.000	92.000.000
30	247	6	Van dẫn lưu khí	Van Heimlich	NP-0010	Biometrix Ltd	Israel	Biometrix Ltd	Israel	Hộp/ 1 bộ	Bộ	5	600.000	3.000.000
31	296	3	Miếng vá tạo hình gò má các cỡ	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình gò má các cỡ)	OP9513; OP9514; OP9515; OP9516; OP9517; OP9518	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/cái	Cái	5	12.800.000	64.000.000
32	297	3	Miếng vá tạo hình Block	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình Block)	OP8312; OP9312; OP6338; OP6339; OP9530	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/cái	Cái	5	17.500.000	87.500.000
33	298	3	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương trái /phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình cân cơ thái dương trái/ phải)	OP9857; OP9858; OP9859; OP9860; OP9861; OP9862	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/cái	Cái	10	19.000.000	190.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
34	299	3	Miếng vá tạo hình dưới cung mắt trái/ phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình dưới cung mắt trái/ phải)	OP9429; OP9430	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/cái	Cái	5	11.000.000	55.000.000
35	300	3	Miếng vá tạo hình mũi trái/phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình mũi trái/phải)	OP9519; OP9520; OP9525; OP9526	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/ cái	Cái	2	10.000.000	20.000.000
36	301	3	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài trái/ phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình ống tai ngoài trái/ phải)	OP8330; OP8331	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/ cái	Cái	2	30.000.000	60.000.000
37	302	3	Miếng vá tạo hình quanh ổ mắt trái/ phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình quanh ổ mắt trái/ phải)	OP9539; OP9540	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/cái	Cái	5	12.800.000	64.000.000
38	304	3	Miếng vá tạo hình vành tai trái / phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình vành tai trái/ phải)	OP8328; OP8329	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/ cái	Cái	2	30.000.000	60.000.000
39	305	3	Miếng vá tạo hình vùng mắt và sàn ổ mắt	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình vùng mắt và sàn ổ mắt)	OP6332; OP6333; OP8438; OP7210; OP6330	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/ cái	Cái	5	14.000.000	70.000.000
40	306	3	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương trái/phải	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt (tạo hình xương và cân cơ thái dương trái/ phải)	OP9864; OP9865	Matrix Surgical USA	Mỹ	Matrix Surgical USA	Mỹ	Gói/cái	Cái	5	18.200.000	91.000.000
41	370	6	Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài, van 1 chiều, 2300ml	Bộ dẫn lưu ngực	NC-5512	Biometrix Ltd	Israel	Biometrix Ltd	Israel	Hộp/ 1 bộ	Bộ	90	1.850.000	166.500.000

2022

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
42	376	6	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm 450ml	Bộ dẫn lưu vết mổ áp lực âm 450ml	ML-0000	Biometrix Ltd	Israel	Biometrix Ltd	Israel	Hộp/ 1 bộ	Bộ	1.800	610.000	1.098.000.000
Tổng:	16	danh mục											Giá trị:	2.303.000.000
11. Công ty TNHH công nghệ An Pha (Mã HSĐT: 13)														
43	249	3	Stent kim loại đường mật có hoặc không màng bọc permalume	Stent đường mật Wallflex Biliary Transhepatic Uncovered Stent System	M005746XX M005769XX	Boston Scientific	Ireland	Boston Scientific	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	20	27.200.000	544.000.000
44	250	3	Stent kim loại đường mật có màng bọc bằng silicone có nhiều lỗ trên màng bọc	Stent đường mật Wallflex Biliary Transhepatic Partially Covered Stent System	M005747XX M005768XX M005769XX	Boston Scientific	Ireland	Boston Scientific	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	30	27.200.000	816.000.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	1.360.000.000
12. Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Kim Hòa Phát (Mã HSĐT: 14)														
45	58	6	Ống thông điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển dày 400µm và 600µm	Ống thông điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển Corona 360/400 và 360/600	OFxxxxx	G.N.S.NeoLaser Ltd	Israel	G.N.S.NeoLaser Ltd	Israel	Hộp/5 cái	Cái	500	10.395.000	5.197.500.000
46	68	6	Chỉ khâu không tiêu bằng expanded polytetrafluoroethylen e (ePTFE), số 2/0, dài 75cm, 2 kim dài 17mm 1/2C	Chỉ khâu phẫu thuật (Golnit) cỡ 2.0	FTDxxxxxxxxd-75 FTCDxxxxxxxxd-75 FTHxxxxxxxxd-75	Golnit Ltd	Ukraine	Golnit Ltd	Ukraine	Gói/1 tệp	Tệp	170	780.000	132.600.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	5.330.100.000
13. Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội (Mã HSĐT: 15)														
47	2	3	Keo dán da 0.5ml	Keo dán da DERMABOND ống 0,5ml	AHV12	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 ống	Ống	224	173.901	38.953.824
48	3	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Gelatin 7 x 5 x 1cm	Miếng xốp cầm máu tự tiêu Spongostan bằng gelatin, dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, kích thước 7x5x1 cm (MS0002)	MS0002	Ferrosan Medical Devices A/S	Đan Mạch	Ferrosan Medical Devices A/S	Đan Mạch	Hộp/20 miếng	Miếng	7.500	142.359	1.067.692.500

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
49	6	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Cellulose dạng bông xốp ép, 2.4-2.6 x 5-5.2cm.	Vật liệu cầm máu SURGICEL SNOW dạng bông xốp dệt dày tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hoá tái tổ hợp, kích thước 2,5 x 5,1cm	2081	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/10 miếng	Miếng	300	496.566	148.969.800
50	7	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Cellulose dạng bông xốp ép, 5.1 x 10.2cm.	Vật liệu cầm máu SURGICEL SNOW dạng bông xốp dệt dày tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hoá tái tổ hợp, kích thước 5,1 x 10,2cm	2082	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/10 miếng	Miếng	400	779.646	311.858.400
51	8	3	Vật liệu cầm máu tự tan, bằng Cellulose dạng bông xốp nhiều lớp, 5.1 x 10.2cm.	Vật liệu cầm máu SURGICEL FIBRILLAR dạng bông xốp tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 5.1 x 10.2cm (1962)	1962	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/10 miếng	Miếng	1.000	540.120	540.120.000
52	10	4	Vật liệu cầm máu xương, dạng sáp ong trắng, 2.5g	Sáp cầm máu xương BONEWAX 2.5 gram	W31C	Johnson & Johnson do Brasil Indústria e Comércio de Produtos para Saúde Ltda.	Brazil	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 miếng	Miếng	1.716	31.521	54.090.036
53	73	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 9/0 dài 13cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 5.1mm, 3/8C,	Chỉ phẫu thuật ETHILON số 9/0, dài 13cm, kim tròn dài 5.1 mm, 3/8C	W2829	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tệp	100	559.797	55.979.700

14020

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
54	88	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 4/0 dài 90cm; 2 Kim tròn đầu tròn dài 20mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 20mm, 1/2C	W8761G	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	240	179.802	43.152.480
55	89	3	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng polypropylene, số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn màu đen Visi-black RB-1 17mm, 1/2C	8357H	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/36 tệp	Tép	480	157.395	75.549.600
56	90	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 3/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 3/0, dài 90cm, kim tròn đầu tròn 31mm, 1/2C	W8525	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	180	140.175	25.231.500
57	93	3	Chỉ khâu không tiêu, bằng Polypropylene, đơn sợi, 3/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2C	W8522	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	265	136.248	36.105.720
58	100	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 6/0 dài 75cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 13mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt Multipass 13mm, 3/8C	W8707	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	144	180.516	25.994.304
59	106	3	Chỉ khâu không tiêu Polypropylene, đơn sợi, 4/0 dài 75cm; 2 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 4/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 3/8C	F1840H	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/36 tệp	Tép	24	127.155	3.051.720

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
60	111	3	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 3/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 20mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật MERSILK số 3/0 chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn 20mm 1/2C	W587H	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/36 tép	Tép	3.000	62.769	188.307.000
61	114	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 5/0 dài 90cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 5/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 17mm, 1/2C	8934H	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/36 tép	Tép	468	143.745	67.272.660
62	119	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 5/0 dài 75cm. 2 Kim tròn đầu cắt dài 13mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu cắt 13mm, 3/8C	W8721	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/ 12 tép	Tép	400	166.887	66.754.800
63	129	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, số 0 dài 100cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 0, dài 100cm, kim tròn đầu tròn 31mm, 1/2C	W8430G	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tép	Tép	84	104.496	8.777.664
64	130	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 8/0 dài 45cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 6.5mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 8/0, dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn Multi-pass 6.5mm, 3/8C	W2777	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tép	Tép	36	606.732	21.842.352

muad

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
65	134	3	Chỉ khâu không tiêu polypropylene, đơn sợi, 1 dài 100cm, 1 Kim tròn đầu cắt, dài 45mm, 1/2C,	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 1, dài 100cm, kim tròn đầu cắt 45mm, 1/2C	W8450G	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tệp	1.008	148.827	150.017.616
66	147	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 30cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 36mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật STRATAFIX SPIRAL PDS PLUS kháng khuẩn số 2/0 dài 30cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 36mm 1/2C	SXPP1B410	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	36	1.005.837	36.210.132
67	149	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 5/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn plus RB-1 17mm, 1/2C	Z9108H	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/36 tệp	Tệp	840	208.194	174.882.960
68	151	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 7/0 dài 70cm, 2 Kim tròn đầu cắt dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật PDS II số 7/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C	Z1711E	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/24 tệp	Tệp	240	304.941	73.185.840
69	169	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 30cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 17mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật STRATAFIX SPIRAL PDS PLUS kháng khuẩn số 4/0 dài 30cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn RB-1 dài 17mm 1/2C	SXPP1B428	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	60	1.005.774	60.346.440

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
70	170	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglecaprone, đơn sợi 3/0 dài 20cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C,	Chỉ phẫu thuật STRATAFIX SPIRAL MONOCRYL PLUS kháng khuẩn số 3/0 dài 20cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2C	SXMP1B427	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	240	974.610	233.906.400
71	184	4	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 45cm, 1 Kim tam giác, dài 22mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật VICRYL RAPIDE số 3/0, dài 45cm, kim tam giác 22mm, 1/2C	W9935	Johnson & Johnson do Brasil Indústria e Comércio de Produtos para Saúde Ltda.	Brazil	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	156	85.260	13.300.560
72	185	4	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng Polyglactin 910, đa sợi, số 5/0, dài 70 cm, có phủ chất kháng khuẩn, 1 kim tròn đầu tròn, 17mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Iragacare MP số 5/0, dài 70cm, kim tròn 17mm, 1/2C	VCP303H	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/36 tệp	Tép	72	118.587	8.538.264
73	187	4	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng Polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác ngược, dài 19mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật VICRYL RAPIDE số 4/0, dài 75cm, kim tam giác ngược 19mm, 3/8C	W9922	Johnson & Johnson do Brasil Indústria e Comércio de Produtos para Saúde Ltda.	Brazil	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/ 12 tệp	Tép	944	84.315	79.593.360
74	188	4	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng polyglecaprone 25, đa sợi 4/0 dài 45cm, 1 Kim tam giác ngược, dài 19mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật MONOCRYL số 4/0 dài 45cm, kim tam giác PRIME 19mm, 3/8C	W3206	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tép	600	156.534	93.920.400

7020

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
75	190	3	Chỉ khâu tiêu nhanh tổng hợp đa sợi bằng polyglactin 910 số 2/0, 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, 36mm	Chỉ phẫu thuật VICRYL RAPIDE số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 36mm, 1/2C	W9962	Johnson & Johnson MEDICAL GmbH	Đức	Johnson & Johnson Internationa	Belgium	Hộp/ 12 tệp	tệp	2.500	91.602	229.005.000
76	192	3	Chỉ thép điện cực đa sợi số 2/0 dài 60cm, 1 kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2C, 1 kim thẳng đầu tam giác 60mm	Chỉ điện cực TEMPORARY CARDIAC PACING WIRE đa sợi số 2/0 dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2 vòng tròn, 1 kim thẳng đầu tam giác 60mm.	TPW10	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tệp	240	345.723	82.973.520
77	202	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 45cm, 1 Kim tam giác ngược, dài 16mm	Chỉ phẫu thuật VICRYL 4/0 dài 45cm, kim vòng phức hợp 16mm.	W9437	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tệp	276	121.275	33.471.900
78	204	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 6/0 dài 45cm, 1 Kim tam giác ngược, dài 11mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 6/0 dài 45cm không nhuộm, kim tam giác ngược 11mm, 3/8C	W9500T	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/24 tệp	Tệp	180	171.570	30.882.600
79	212	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, số 4/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác, dài 16mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 4/0 dài 90cm, kim tam giác 16mm, 3/8C	W9443	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/12 tệp	Tệp	240	105.273	25.265.520

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
80	213	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 5/0 dài 45cm, 1 Kim tam giác ngược dài 16mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 5/0 dài 45cm không nhuộm, kim tam giác ngược 16mm, 3/8C	W9505T	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/24 tệp	Tệp	180	91.518	16.473.240
81	269	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polypropylene, ngang > 7cm	Lưới điều trị thoát vị PROLENE SOFT MESH 15cm x 15cm	SPMH	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/6 miếng	Miếng	6	1.921.374	11.528.244
Tổng:	35	danh mục											Giá trị:	4.133.206.056
14. Công ty TNHH trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương (Mã HSDT: 16)														
82	18	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 20G, 100mm	STIMUPLEX ULTRA 360 30° 20GX100MM-AP	4892510-03	B. Braun Aesculap Japan Co., Ltd.	Nhật	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/25 cái	Cái	100	398.970	39.897.000
83	318	3	Dao mổ mắt phaco, 45 độ	Dao mổ phaco bằng thép không gỉ Feather Slit Knife size: 2.2mm, 2.4mm, 2.75mm, 2.8mm, 3.0mm, 3.2mm.	P-0622BUC; P-0624BUC; P-06275BUC; P-0628BUC; P-0630BUC; P-0632BUC	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Hộp/5 cái	Bộ	550	189.000	103.950.000
84	486	3	Dao Crescent	Dao Crescent Knife Feather số: 2.6mm	P-7926B; P-7926BU	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Hộp/5 cái	Cái	12	231.000	2.772.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	146.619.000
15. Công ty Cổ phần thiết bị y tế CTH (Mã HSDT: 18)														
85	378	3	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 5Fr	Buồng tiêm truyền cấy dưới da NuPort-LP-CT F5.0 (PUR) + Introducer, kèm 01 kim dùng cho buồng tiêm truyền.	LPA-005IP	Buồng: PHS Medical Kim: ISO MED	Buồng: Đức Kim: Pháp	Buồng: PHS Medical Kim: ISO MED	Buồng: Đức Kim: Pháp	Hộp 1 bộ	Bộ	10	8.900.000	89.000.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	89.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
16. Công ty TNHH thương mại tổng hợp Vinatradng (Mã HSDT: 19)														
86	220	3	Dao mổ điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mổ mở, lưỡi dao cong 40 độ	Tay dao hàn mạch Ligasure mổ mở 21 cm LigaSure™ Exact Dissector, nano-coated	LigaSure™ Exact Dissector, nano-coated LF2019	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	6 Cái/Hộp	Cái	100	24.495.000	2.449.500.000
87	385	3	Tấm điện cực trung tính kèm dây	Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần REM Polyhesive™ Patient Return Electrodes	REM Polyhesive™ Patient Return Electrodes E7507	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	50 Cái/Hộp	Cái	2.000	175.000	350.000.000
88	503	3	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm	Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây Sonicision Reusable Generator	Sonicision Reusable Generator SCGAA	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	1 Cái/Hộp	Cái	2	58.323.000	116.646.000
89	504	3	Khay hấp tiệt trùng dùng cho dao siêu âm không dây	Khay pin tiệt trùng Sonicision Reusable Sterilization Tray	Sonicision Reusable Sterilization Tray SCSTA	Covidien/ Symmetry Medical, Inc	Mỹ/ Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	1 Cái/Hộp	Cái	2	17.048.000	34.096.000
90	505	3	Khay hỗ trợ thay lắp pin dùng cho dao siêu âm không dây	Khay lắp pin dao siêu âm không dây Sonicision Reusable Battery Insertion Guide	Sonicision Reusable Battery Insertion Guide SCBIGA	Spectrum Plastics Group	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	2 Cái/Hộp	Cái	4	1.615.000	6.460.000
91	506	3	Pin sạc dùng cho dao siêu âm không dây	Pin dao siêu âm không dây Sonicision Reusable Battery Pack	Sonicision Reusable Battery Pack SCBA	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	1 Cái/Hộp	Cái	4	40.378.000	161.512.000
Tổng:	6	danh mục											Giá trị:	3.118.214.000
17. Công ty TNHH Xuân Vy (Mã HSDT: 20)														
92	33	5	Dây thở trẻ em dùng cho máy gây mê	Bộ dây máy gây mê cao tần, đa hướng, dùng một lần, dùng cho trẻ em, tiệt trùng SAMBRUS-V (Limh, co)	AMB-17294009	USM Healthcare	Việt Nam	USM Healthcare	Việt Nam	1 bộ/túi	Cái	500	99.000	49.500.000
93	52	5	Ống nối máy thở	Ống nối dây máy thở cao tần, đa hướng, dùng một lần VENTKING	VTK-06110610	USM Healthcare	Việt Nam	USM Healthcare	Việt Nam	1 cái/túi	Cái	9.000	24.000	216.000.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	265.500.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
	18. Công ty Cổ phần thương mại - dịch vụ - xuất nhập khẩu Viên Phát (Mã HSDT: 21)													
94	454	3	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo	Bộ khăn cắt đốt nội soi	06P02	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	10 Cũ/Hộp	Bộ	450	259.350	116.707.500
95	455	5	Bộ khăn gậy tê ngoài màng cứng	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	K1019	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	35 Bộ/Hộp	Bộ	1.800	54.075	97.335.000
96	457	3	Bộ khăn nội soi khớp gối	Bộ khăn nội soi khớp gối B	04P18	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	6 Bộ/Hộp	Bộ	400	254.100	101.640.000
97	458	3	Bộ khăn nội soi khớp vai	Bộ khăn nội soi khớp vai A	04P14	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	8 Bộ/Hộp	Bộ	330	277.200	91.476.000
98	459	3	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	10P08	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	6 Bộ/Hộp	Bộ	30	546.000	16.380.000
99	460	3	Bộ khăn phẫu thuật hiến gan	Bộ khăn phẫu thuật hiến gan	10P09	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	8 Bộ/Hộp	Bộ	42	380.100	15.964.200
100	461	3	Bộ khăn phẫu thuật mắt	Bộ khăn mắt E	01P05	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	75 Bộ/Hộp	Bộ	666	31.290	20.839.140
101	462	3	Bộ khăn phẫu thuật sọ	Bộ khăn phẫu thuật sọ C	05P07	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	10 Bộ/Hộp	Bộ	360	263.550	94.878.000
102	463	5	Bộ khăn sanh mổ có túi	Bộ khăn sanh mổ	03P01	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	8 Bộ/Hộp	Bộ	3.700	284.550	1.052.835.000
103	464	5	Bộ khăn sanh thường	Bộ khăn sanh thường có túi	03P03	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	15 Bộ/Hộp	Bộ	2.900	126.000	365.400.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
104	465	3	Bộ khăn tổng quát	Bộ khăn tổng quát	00P01 (YD)	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	8 Bộ/Hộp	Bộ	1.150	289.800	333.270.000
105	507	5	Bao chỉ dưới co giãn	Bao chỉ dưới co giãn	02A09	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	20 Cái/Hộp	Cái	700	60.900	42.630.000
106	508	5	Bao chỉ trên co giãn	Bao chỉ trên co giãn	02A03	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	30 Cái/Hộp	Cái	600	42.000	25.200.000
107	509	3	Bộ khăn phẫu thuật chỉ	Bộ khăn phẫu thuật chỉ A	04P02	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	8 Bộ/Hộp	Bộ	768	289.800	222.566.400
108	512	5	Bộ khăn mổ tim hở	Bộ khăn mổ tim hở D	02P22 (YD)	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	5 Bộ/Hộp	Bộ	300	477.750	143.325.000
109	515	3	Bộ khăn chụp mạch vành	Bộ khăn chụp mạch vành	02P65	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	3 Bộ/Hộp	Bộ	2.700	499.800	1.349.460.000
Tổng:	16	danh mục											Giá trị:	4.089.906.240
19. Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương Codupha (Mã HSĐT: 22)														
110	262	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride	DynaMesh ENDOLAP, PVDF, 10cm x 15cm	PV101015F3	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp/ 3 miếng	Miếng	60	2.520.000	151.200.000
111	263	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride, định hình 3D	DynaMesh ENDOLAP 3D, PVDF, 10cm x 15cm	PV131015F1 PV131015F3	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp/ 3 miếng	Miếng	50	4.512.500	225.625.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
112	270	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mở mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang > 7cm	DynaMesh LICHTENSTEIN, PVDF, 7.5cm x 15cm	PV110715F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	20	3.952.000	79.040.000
113	271	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mở mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang 5-7cm	DynaMesh LICHTENSTEIN, PVDF, 06cm x 11cm	PV110611F3	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /3 miếng	Miếng	33	2.558.200	84.420.600
114	273	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị hoành bằng polyvinylidene fluoride cỡ 7x12cm	DynaMesh HIATUS, PVDF, 07cm x 12cm	PV610712F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	2	29.851.000	59.702.000
115	274	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị hoành bằng polyvinylidene fluoride cỡ 8x13cm	DynaMesh HIATUS, PVDF, 08cm x 13cm	PV610813F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	2	34.952.000	69.904.000
116	280	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 15x20cm	DynaMesh IPOM, PVDF, 15cm x 20cm	IP071520F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	10	17.985.200	179.852.000

Handwritten signature/initials

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
117	281	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20x25cm	DynaMesh IPOM, PVDF, 20cm x 25cm	IP072025F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	10	18.985.200	189.852.000
118	282	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20x30cm	DynaMesh IPOM, PVDF, 20cm x 30cm	IP072030F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	10	19.985.200	199.852.000
119	283	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, hình tròn đường kính 10-12cm	DynaMesh IPOM, PVDF, d 12cm round	IP070012F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	10	16.985.200	169.852.000
120	284	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 15x25cm	DynaMesh CICAT, PVDF, 15cm x 25cm	PV091525F2	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp/ 2 miếng	Miếng	10	8.852.000	88.520.000
121	285	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 20x30cm	DynaMesh CICAT, PVDF, 20cm x 30cm	PV092030F2	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp/ 2 miếng	Miếng	2	11.852.000	23.704.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chứng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
122	292	3	Keo sinh học cầm máu bằng hydrogel, 4ml	COSEAL SURGICAL SEALANT 4ML	934074	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Baxter Healthcare SA	Thụy sỹ	Hộp/ 1 bộ	Bộ	105	9.419.025	988.997.625
123	294	3	Keo sinh học vá mạch máu bằng hỗn hợp keo gelatin và chất đông máu thrombin, 5ml	FLOSEAL HEMOSTATIC MATRIX 5ML	1501825	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Hộp/ 1 bộ	Bộ	150	7.700.000	1.155.000.000
124	350	3	Tấm nâng đỡ trong điều trị sa bàng quang bằng Polyvinylidene Fluoride, cỡ 7x6cm	DynaMesh PR4, PVDF, 09cm x 06cm	PV520906F1	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik	Đức	Hộp /1 miếng	Miếng	20	15.988.000	319.760.000
125	393	3	Kèm sinh thiết dạ dày phủ teflon, đường kính 3.0/2.3/1.8mm	Kèm sinh thiết	NE...	Endo-Flex GmbH	Đức	Endo-Flex GmbH	Đức	Hộp/1 cái	Cái	118.000	220.000	25.960.000.000
126	401	3	Clip mạch máu 2 thi 4.5 x 4mm	Kẹp chỉ bắn nhiều lần (LIGATURE CLIP)	PL572T	Aesculap AG	Đức	Aesculap AG	Đức	Hộp/ 144 cái	Cái	1.008	76.447	77.058.576
127	402	3	Clip mạch máu 2 thi 8.1 x 7.9mm	Kẹp chỉ bắn một lần (LIGATURE CLIP)	PL568T	Peters Surgical	Pháp	Aesculap AG	Đức	Hộp/ 120 cái	Cái	960	48.000	46.080.000
128	497	3	Dây cưa sọ dài 400mm	Dây cưa sọ (GIGLI WIRE SAW)	FH414	Aesculap AG	Đức	Aesculap AG	Đức	Ông/ 5 sợi	Sợi	150	273.000	40.950.000
Tổng:	19	danh mục											Giá trị:	30.109.369.801
20. Công ty TNHH phát triển kỹ thuật y tế M.D.T (Mã HSĐT: 23)														
129	40	6	Ống thông niệu đạo 3 đường bằng silicone, cỡ 18->22 Fr	Ống thông niệu đạo 3 đường bằng silicone, cỡ 18->22 Fr, đầu cong có bóng	KW-501830-50 KW-502040-60 KW-502250-70	uroVision Gesellschaft für medizinischen Technologie - Transfer mbH	Đức	uroVision Gesellschaft für medizinischen Technologie - Transfer mbH	Đức	Gói/ 1 cái	Cái	200	492.240	98.448.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
130	42	3	Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da bằng polyurethan, cỡ 6->8Fr, dài 80cm	Ống thông đặt nong niệu quản, tán sỏi qua da, bằng polyurethan, cỡ 6->8Fr, dài 80cm, đầu mở, thẳng	WB-906 WB-907 WB-908	uroVision Gesellschaft für medizinischen Technologie - Transfer mbH	Đức	uroVision Gesellschaft für medizinischen Technologie - Transfer mbH	Đức	Gói/ 1 cái	Cái	100	493.290	49.329.000
131	374	6	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da, cỡ 8->16Fr	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da, cỡ 8->16Fr, dài 35-40cm	SV-301440	uroVision Gesellschaft für medizinischen Technologie - Transfer mbH	Đức	uroVision Gesellschaft für medizinischen Technologie - Transfer mbH	Đức	Hộp/ 1 bộ	Bộ	70	1.028.370	71.985.900
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	219.762.900
21. Công ty TNHH vật liệu Y Tế Việt (Mã HSĐT: 24)														
132	28	3	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm bóng giúp thở, người lớn	Bộ dây máy 2 nhánh co giãn người lớn 2m	2154000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng/ 35 bộ	Bộ	3.000	220.500	661.500.000
133	29	3	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn	Dây máy 2 nhánh co giãn người lớn	2150000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng/ 70 Cái	Cái	15.000	68.250	1.023.750.000
134	31	3	Bộ dây thở Mapleson người lớn	Bộ dây thở Mapleson C người lớn	2108000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng /15 bộ	Bộ	50	357.000	17.850.000
135	32	3	Bộ dây thở Mapleson trẻ em	Bộ dây thở Jackson Rees Trẻ em	2122000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng /15 bộ	Bộ	30	535.500	16.065.000
Tổng:	4	danh mục											Giá trị:	1.719.165.000
22. Công ty TNHH Mega Lifesciences (Việt Nam) (Mã HSĐT: 25)														
136	383	4	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	EDWARDS - 2 TRUWAVE DISPOSABLE PRESSURE TRANSDUCER (PX2X2)	PX2X2	Edwards Lifesciences LLC	Dominican Republic	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	1 bộ(cái)/ 1 hộp	bộ	40	879.000	35.160.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	35.160.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
23. Công ty Cổ phần thương mại và dược phẩm Tân Thành (Mã HSDT: 26)														
137	155	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglactin 910, đa sợi, 5/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	DemeCRYL™ Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 5/0	G285017B26P	DemeTECH Corporation	Mỹ	DemeTECH Corporation	Mỹ	Hộp 12 sợi	Sợi	720	57.000	41.040.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	41.040.000
24. Công ty TNHH thiết bị y tế Đình Cao (Mã HSDT: 28)														
138	56	3	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn	Ống thông tĩnh mạch Closurefast	CF7-7-60	Covidien	Mexico	Medtronic Inc	Mỹ	Hộp/1 cái	Cái	160	13.000.000	2.080.000.000
139	61	6	Chỉ khâu tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, đa sợi số 1, dài 150cm, không kim	Chỉ phẫu thuật Sterisil 1 dài 150cm, không kim	SFS215H	Peters Surgical India	Ấn Độ	Peters Surgical India	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	1.000	8.820	8.820.000
140	74	3	Chỉ khâu không tiêu polyamid đơn sợi, 5/0 dài 80cm, 2 kim tròn đầu tam giác, 3/8C, 12mm, đệm pledget 2x3.5	Chỉ phẫu thuật Cardionyl 5/0 dài 80cm, 2 kim tròn đầu cắt 3/8C 12mm, pledget 2x3,5mm	72106KH23	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 36 tệp	Tệp	180	157.815	28.406.700
141	75	3	Chỉ khâu không tiêu polyamid, 6/0, dài 80cm, 2 kim tròn dài 10mm 3/8C, có miếng đệm	Chỉ phẫu thuật Cardionyl 6/0 dài 80cm, 2 kim tròn 3/8C 10mm, pledget 2x3,5mm	72019NH23	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 36 tệp	Tệp	360	174.132	62.687.520
142	76	3	Chỉ khâu không tiêu polyamid, đơn sợi 5/0 dài 80cm, 2 kim tròn đầu tròn 3/8C, 16mm	Chỉ phẫu thuật Cardionyl 5/0 dài 80cm, 2 kim tròn 3/8C 16mm	721072	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 36 tệp	Tệp	252	112.350	28.312.200

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
143	79	6	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi bằng tơ tằm, 2/0 dài 75cm, 1 kim tam giác 3/8C 24mm	Chỉ phẫu thuật Sterisil 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	SFS6038A	Peters Surgical India	Ấn Độ	Peters Surgical India	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	1.584	15.057	23.850.288
144	94	4	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6, đơn sợi, 3/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8C	Chỉ phẫu thuật Sterilon 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	SFN3365A	Peters Surgical India	Ấn Độ	Peters Surgical India	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	3.000	11.540	34.620.000
145	146	6	Chỉ khâu tiêu chậm bằng collagen, số 4/0, dài 75cm, 1 kim tròn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật Catgut Chromic 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	SFN4303B	Peters Surgical India	Ấn Độ	Peters Surgical India	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	3.120	16.365	51.058.800
146	179	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật Monotime 2/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C 26mm	14S30D	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 36 tệp	Tệp	144	103.992	14.974.848
147	193	3	Chỉ thép số 3 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 40mm	Chỉ phẫu thuật Acier 3 dài 45cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 40mm, tệp 5 sợi	31680	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 12 tệp x 5 sợi	Tệp	48	722.665	34.687.920
148	197	2	Chỉ thép 5, dài 45-47cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 48mm	Chỉ phẫu thuật Acier 5 dài 45cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 48mm, tệp 4 sợi	31504	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 12 tệp x 4 sợi	Tệp	72	374.360	26.953.920
149	291	3	Keo sinh học đóng mạch ngoại biên	Keo đóng tĩnh mạch Venaseal	SP-101	Medtronic Ireland	Ireland	Medtronic Inc	Mỹ	Gói/1 bộ	Bộ	3	36.500.000	109.500.000
150	386	3	Clip kẹp mạch máu titanium cỡ nhỏ	Clip kẹp mạch máu SLS-Clip Vitalitec cỡ nhỏ	J1180-1	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 30 vi x 6 cái	Cái	1.620	29.800	48.276.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
151	387	3	Clip kẹp mạch máu titanium cỡ trung bình	Clip kẹp mạch máu SLS-Clip Vitalitec cỡ trung bình	B2180-1	Peters Surgical	Pháp	Peters Surgical	Pháp	Hộp/ 30 vi x 6 cái	Cái	1.980	29.800	59.004.000
Tổng:	14	danh mục											Giá trị:	2.611.152.196
25. Công ty TNHH Một thành viên Huệ Chi (Mã HSDT: 29)														
152	392	3	Clip mạch máu, 2 thì, titanium, dạng kim cương, 8.1x7.9mm	Dụng cụ phẫu thuật cầm máu	WM-300	Welfare Medical	Anh	Welfare Medical	Anh	Hộp/ 120 cái	Cái	2.400	21.000	50.400.000
153	398	3	Clip mạch máu 2 thì 4.9 x 6.2mm	Dụng cụ phẫu thuật cầm máu	WM-200	Welfare Medical	Anh	Welfare Medical	Anh	Hộp/ 180 cái	Cái	5.760	21.000	120.960.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	171.360.000
26. Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương (Mã HSDT: 30)														
154	70	2	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 3/0 75cm 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 16mm	Chỉ không tan tổng hợp sợi bền Ticon số 3-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-307	88863229-41	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	180	87.045	15.668.100
155	71	4	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 3/0 90cm 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 20mm	Chỉ không tan tổng hợp sợi bền Ticon số 3-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-316	88863369-41	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	1.260	84.945	107.030.700
156	81	4	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 7/0 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 8mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 7-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-351	VP-630-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	288	139.125	40.068.000

WVA

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
157	83	2	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 4/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 22mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 4-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-25	VP-761-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	900	119.000	107.100.000
158	84	2	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 13mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5-0, 2 kim tròn đầu nhọn CVF-11	VPF-720-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	756	136.715	103.356.540
159	85	4	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 17mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-15	VP-580-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	396	159.075	62.993.700
160	91	2	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 3/0 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 26mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 3-0, 2 kim tròn đầu nhọn V-20	VP-522-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	720	98.000	70.560.000
161	98	4	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene, đơn sợi, 2/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu cắt, dài 26mm, 1/2C,	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 2-0, 2 kim tròn đầu nhọn KV-7	VP-977	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	2.016	130.185	262.452.960

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
162	99	2	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 6/0 dài 75cm, 2 Kim tròn đầu nhọn dài 9mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-1	VP-709-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	1.512	138.600	209.563.200
163	102	2	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene, đơn sợi, 6/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu tròn dài 13mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0, kim tròn đầu nhọn CV-11	VP-889-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	720	133.350	96.012.000
164	104	2	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6, đơn sợi, 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, dài 19mm, 3/8C	Chỉ không tan đơn sợi Nylon số 4-0 kim tam giác ngược C-13.	88861756-31	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	1.000	46.000	46.000.000
165	115	2	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 5/0 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 1/2C 13mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-22	VP-710-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	432	130.200	56.246.400
166	131	2	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi bằng Polypropylene, 8/0 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C 6mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 8-0, 2 kim tròn đầu nhọn MV-135-5	VP-902-X	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	540	441.000	238.140.000

7/10/20

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
167	156	2	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglyconate, đơn sợi có gai số 0, dài 30cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 37mm	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn GS-21, 1/2C, 37mm. Chỉ giữ vết thương 21 ngày.	VLOCL0316	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	12 tệp/hộp	tép	100	529.200	52.920.000
168	161	2	Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp bằng polyglyconate số 0, dài 90cm, 1 kim tròn, 1/2C, 40mm	Chỉ tan đơn sợi Maxon 0 90cm GS-24 1/2C 40mm	88866287-61	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	tép	220	130.000	28.600.000
169	163	2	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631, số 1, dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 37mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Biosyn số 1, kim tròn đầu nhọn GS-21	CM-925	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	tép	972	130.000	126.360.000
170	164	2	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631, số 1, dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 40mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Biosyn số 1, kim tròn đầu nhọn GS-24	CM-966	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	tép	288	130.000	37.440.000
171	171	1	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, đơn sợi, 3/0 dài 30cm 1 Kim tròn đầu tròn, 26mm, 1/2C	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14 ngày.	VLOCM0614	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	12 tệp/hộp	Tép	120	568.890	68.266.800

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
172	178	2	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Glycomer 631, số 2/0, dài 75cm, 1 kim tròn đầu nhọn, 1/2C dài 26mm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Biosyn số 2-0, kim tròn đầu nhọn V-20	GM-123	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	tép	1.500	120.000	180.000.000
173	186	2	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng polyglytone 6211, đơn sợi, số 4/0 75cm, 1 kim tam giác ngược, 3/8C 19mm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Caprosyn 4-0 kim tam giác ngược P-12	SC-5637-G	Covidien	Dominica	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	540	108.570	58.627.800
174	201	1	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi số 0, dài 90cm, 1 kim tròn đầu nhọn 1/2C, dài 40mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 0 dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 1/2C, 40mm	CL-914	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	tép	1.295	81.270	105.244.650
175	209	1	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi, 3/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu nhọn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 3-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	GL-122	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	8.820	64.000	564.480.000
176	211	1	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, đơn sợi, 4/0 dài 15cm, 1 Kim tròn đầu tròn, 17mm, 3/8C	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 4-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm. Chỉ giữ vết thương 14 ngày.	VLOCM1203	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	12 tệp/hộp	Tép	240	567.945	136.306.800

7602

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
177	214	3	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp đa sợi số 4-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn, 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 4-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	GL-121	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	1.980	99.750	197.505.000
178	215	1	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi, 2/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 2-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	GL-123	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	36 tệp/hộp	Tép	684	64.000	43.776.000
179	261	1	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polyester, trái, phải, có gai	Lưới thoát vị, tự dính Progrid dùng trong mổ nội soi thoát vị bẹn bên phải, kích thước 15x10 cm LPG1510AR/ Lưới thoát vị, tự dính Progrid dùng trong mổ nội soi thoát vị bẹn bên trái, kích thước 15x10 cm LPG1510AL	LPG1510AR; LPG1510AL	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production	Pháp	1 miếng/ hộp	Miếng	20	5.500.000	110.000.000
180	264	1	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi bằng polypropylene, chống dính, 10x15cm	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 15x10 cm PPL1510X3	PPL1510X3	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production	Pháp	1 miếng/ hộp	Miếng	10	1.200.000	12.000.000
181	275	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20x15cm	Lưới thoát vị hai lớp chống dính dùng trong mổ nội soi thoát vị thành bụng PCOX Parietex, kích thước 20x15 cm, có dính chỉ PCO2015FX	PCO2015FX	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production	Pháp	1 miếng/ hộp	Miếng	11	8.488.000	93.368.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
182	276	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20x25cm	Lưới thoát vị hai lớp chống dính dùng trong mổ nội soi thoát vị thành bụng PCOX Parietex, kích thước 25x20 cm PCO2520FX	PCO2520FX	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production	Pháp	1 miếng/ hộp	Miếng	10	12.500.000	125.000.000
183	277	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20x30cm	Lưới thoát vị hai lớp chống dính dùng trong mổ nội soi thoát vị thành bụng PCOX Parietex, kích thước 30x20 cm, có dính chỉ PCO3020FX	PCO3020FX	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production	Pháp	1 miếng/ hộp	Miếng	10	13.500.000	135.000.000
184	336	3	Dụng cụ khâu nối thẳng 30mm hỗ trợ băng đạn trong phẫu thuật mổ mở ngực bụng	Dụng cụ khâu nối thẳng dùng trong phẫu thuật mổ mở TA Auto Suture Stapler tương ứng với băng ghim khâu nối mổ mở hai hàng ghim công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều DST, dài 30mm, chiều cao ghim 2.5mm	TA30V3S	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20	5.500.000	110.000.000
185	343	1	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở, 70-80mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 3.0 đến 5.0 mm	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài 80mm/ Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 4.0mm; 4.5mm; 5.0mm, chiều dài 80mm	GIA80MTS; GIA80XTS	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 3 bộ	Bộ	2	6.500.000	13.000.000

Thoa

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
186	360	3	Băng đạn khâu nối thẳng dùng trong mổ mở ngực bụng	Băng ghim khâu nối dùng cho phẫu thuật mổ mở TA Auto Suture Loading Unit hai hàng ghim công nghệ định hướng ghim đập đúng chiều DST, chiều dài 30mm, chiều cao ghim 2.5mm, chất liệu ghim titanium	TA30V3L	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	6	1.270.000	7.620.000
187	362	3	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở, 70-80mm, chiều cao ghim khi đóng 3 từ đến 5mm	Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài 80mm/ Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 4.0mm; 4.5mm; 5.0mm, chiều dài 80mm	GIA80MTC; GIA80XTC	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	60	2.420.000	145.200.000
188	363	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, đầu móc, mô mỏng, mô dày và mô trung bình, 30mm, 45mm, 60mm	Băng đạn nội soi 30mm, 45mm, 60mm đầu móc dùng cho dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng	EGIA30CTAV M; EGIA45CTAV M; EGIA60CTAV M; EGIA60CTAM T	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	60	8.030.000	481.800.000
189	364	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, mô mỏng, 30mm	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0 mm, chiều dài băng ghim 30mm.	EGIA30AVM	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	108	4.900.000	529.200.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
190	365	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, mô mỏng, 45mm	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0 mm, chiều dài băng ghim 45mm.	EGIA45AVM	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	102	4.900.000	499.800.000
191	367	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, mô dày và mô trung bình, 60mm	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài băng ghim 60mm.	EGIA60AMT	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	1.240	4.900.000	6.076.000.000
192	368	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc, chủ động, mô dày và mô trung bình, 45mm	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài băng ghim 45mm.	EGIA45AMT	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	12	4.900.000	58.800.000
193	417	1	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ cắt khâu nối tự động dùng trong phẫu thuật nội soi Endo GIA Ultra Universal, có khả năng gấp góc 45 độ với 5 điểm gấp góc mỗi bên và một điểm ở giữa. Trục dài 16cm	EGIAUSTND	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 3 bộ	Bộ	160	5.500.000	880.000.000
194	418	1	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 21-33mm	Dụng cụ cắt khâu nối tròn các cỡ, công nghệ Tri-Staple thiết kế 3 hàng ghim đập với chiều cao khác nhau	TRIEEA28MT; TRIEEA31MT; TRIEEAXL33MT	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Mỹ	Hộp/ 3 bộ	Bộ	75	12.600.000	945.000.000

2602

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
195	440	3	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...), ghim 5mm dùng trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị có 30 ghim hình xoắn ốc, chất liệu Titanium thân thiện cơ thể, ghim hình xoắn ốc, cao 3.8mm, rộng 4mm.	174006	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	1cái /hộp	Cái	85	5.190.000	441.150.000
196	441	3	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi, chất liệu tự tan	Bộ ghim tan cố định lưới thoát vị, mảnh ghép thoát vị (thành bụng, bẹn...), ABSORBATAK 5mm dùng trong phẫu thuật nội soi.	ABSTACK15	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	1cái /hộp	Cái	10	8.080.000	80.800.000
197	475	3	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì (Restylane Lidocaine 1ml)	100764634	Q-Med AB	Thụy điển	Galderma	Thụy điển	Hộp/ 1 ống ống/1ml	ống	49	4.179.000	204.771.000
198	476	3	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì sâu	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì sâu (Restylane Lyft Lidocaine 1ml)	100873207	Q-Med AB	Thụy điển	Galderma	Thụy điển	Hộp/ 1 ống ống/1ml	ống	53	5.103.000	270.459.000
199	480	3	Chất làm đầy trẻ hóa da	Chất làm đầy trẻ hóa da (Restylane Skinboost Vital Lidocaine 1ml)	100764641	Q-Med AB	Thụy điển	Galderma	Thụy điển	Hộp/ 1 ống ống/1ml	ống	40	3.690.000	147.600.000
Tổng:	46	danh mục											Giá trị:	14.381.286.650
	27. Công ty TNHH vật tư y tế Phương Lan (Mã HSDT: 31)													
200	388	3	Clip mạch máu cỡ 1.91 x 1.91mm	Clip kẹp mạch máu Weck Horizon Ligating Clips	005200	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	VII/ 6 cái	Cái	540	55.000	29.700.000
201	389	3	Clip mạch máu cỡ 1.98x2.87mm	Clip kẹp mạch máu Weck Horizon Ligating Clips	001200	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	VII/ 6 cái	Cái	2.700	38.000	102.600.000
202	390	3	Clip mạch máu cỡ 2.08x2.87mm	Clip kẹp mạch máu Weck Horizon Ligating Clips	001201	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	VII/ 6 cái	Cái	2.700	50.000	135.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
203	391	3	Clip mạch máu cỡ 3.08x4.68mm	Clip kẹp mạch máu Weck Horizon Ligating Clips	002200	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	Vít/ 6 cái	Cái	2.700	40.000	108.000.000
204	425	4	Dụng cụ khâu da dùng đóng ống da	Ghim khâu da	528135	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	6 cái/ Hộp	Cái	60	330.000	19.800.000
205	477	3	Chất làm đầy nếp nhăn và xóa thâm vùng mắt, bọng dưới mắt	Chất làm đầy da (Teosyal PureSense Redensity II)	TSRL-A1; TSRL-A3;	Teoxane S.A	Thụy Sĩ	Teoxane S.A.	Thụy Sĩ	Hộp / 2 ống x 1ml	ống	16	4.675.000	74.800.000
206	482	3	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng hạ bì	Chất làm đầy da (Teosyal PureSense Redensity I)	TSMS+L-A1; TSMS+L-B1; TSMS+L-A3; TSMS+L-B3;	Teoxane S.A	Thụy Sĩ	Teoxane S.A.	Thụy Sĩ	Hộp / 2 ống x 1ml	ống	16	2.530.000	40.480.000
Tổng:	7	danh mục											Giá trị:	510.380.000
28. Công ty TNHH trang thiết bị và vật tư y tế Hoàng Việt Long (Mã HSDT: 32)														
207	23	4	Kim sinh thiết, đường kính 12/14/16/18/20G và dài 10/16/20cm	Kim sinh thiết bán tự động SuperCore	7012xxxxx	Argon Medical Devices Inc	Mỹ	Argon Medical Devices Inc	Mỹ	Hộp 10 cái	Cái	20	714.000	14.280.000
208	409	3	Mặt nạ gây mê có van bơm, có mùi thơm	Mask (chụp mũi miệng) gây mê các số	038-5x-4xxSFx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	15.200	57.750	877.800.000
209	470	3	Bóng gây mê 0.5-3 lít dùng 1 lần	Bóng gây mê 0.5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít	038-8x-8xxNL	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp 10 cái	Cái	60	73.500	4.410.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
210	502	3	Vòi soda	Vòi Soda hấp thụ CO2 dùng cho máy gây mê (Ventisorb Pink to White)	038-05-602	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Can 5 lít	Lít	3.900	94.500	368.550.000
Tổng:	4	danh mục											Giá trị:	1.265.040.000
29. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín (Mã HSDT: 33)														
211	62	4	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 2/0, dài khoảng 58-> 60cm, không kim	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 2/0, dài 60cm, không kim, 10 sợi x 60cm	5E10X60	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	1.080	21.000	22.680.000
212	65	4	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 3/0, dài khoảng 58-> 60cm, không kim	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 3/0, dài 60cm, không kim, 10 sợi x 60cm	5F10X60	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	3.180	21.000	66.780.000
213	66	4	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 4/0, dài 60cm, không kim.	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 4/0, dài 60cm, không kim, 10 sợi x 60cm	5G10X60	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	600	21.000	12.600.000
214	67	4	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 5/0, dài 60cm không kim.	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 5/0, dài 60cm, không kim, 10 sợi x 60cm	5H10X60	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	216	21.000	4.536.000
215	109	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	5E75DZ26	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	2.244	10.500	23.562.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
216	110	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 3/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn 300, dài 17mm, 1/2C,	Chỉ khâu không tan tự nhiên Trusilk số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 17mm	SF75DZ17	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	2.244	10.500	23.562.000
217	113	6	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, đa sợi, 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tan tự nhiên Trusilk số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	SF75DZ26	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	2.560	11.740	30.054.400
218	135	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	Chỉ khâu không tan tự nhiên Trusilk số 2/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 24mm	SE75CY24	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	11.478	10.500	120.519.000
219	136	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 4/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tan tự nhiên Trusilk số 4/0, dài 75cm, kim tròn 3/8C dài 13mm	SG75CZ13	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	480	11.000	5.280.000
220	137	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 5/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tan tự nhiên Trusilk số 5/0, dài 75cm, kim tròn 3/8C dài 13mm	SH75CZ13	Healthium Medtech	Ấn Độ	Healthium Medtech	Ấn Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	240	14.700	3.528.000
Tổng:	10	danh mục											Giá trị:	313.101.400

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
30. Công ty TNHH Dược phẩm Đan Lê (Mã HSDT: 34)														
221	183	3	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng Polyglactin 910, đa sợi số 0 dài 90cm, 1 kim tròn 1/2C dài 40mm	Chỉ Surgicryl 910 (0)	Surgicryl 910 (0)	SMI AG	Bỉ	SMI AG	Bỉ	Hộp/36 tép	tép	300	51.850	15.555.000
222	198	3	Chỉ thép 5, dài 42-45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 48mm	Chỉ Steel (5)	Steel (5)	SMI AG	Bỉ	SMI AG	Bỉ	Hộp/ 12 tép	Tép	324	268.000	86.832.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	102.387.000
31. Công ty TNHH thương mại Mai Phương Phát (Mã HSDT: 36)														
223	24	6	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lành tính tương thích với máy CoATherm AK-F200	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lành tính tương thích với máy CoATherm AK-F200	F18xxxx	Apro Korea	Hàn Quốc	Apro Korea	Hàn Quốc	Hộp/Bộ (Sử dụng 2 lần)	Cái	50	13.500.000	675.000.000
224	358	6	Thanh nâng ngực, kèm 02 ốc vít	Thanh nâng ngực, kèm 02 ốc vít	PBxxxx	Sciencity	Hàn Quốc	Sciencity	Hàn Quốc	Gói/1 cái (kèm ốc vít)	Cái	200	12.500.000	2.500.000.000
225	359	6	Thanh nâng ngực	Thanh nâng ngực	TIS1031_xxx	Care Tech	Hàn Quốc	Care Tech	Hàn Quốc	Gói/1 cái	Cái	40	15.000.000	600.000.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	3.775.000.000
32. Công ty TNHH IDS medical systems Việt Nam (Mã HSDT: 37)														
226	25	3	Dây đốt đơn cực dùng trong hệ thống phẫu thuật nội soi	Dây đốt điện cực dùng trong hệ thống phẫu thuật nội soi	80-286-96-04	Gebrüder Martin GmbH & Co. KG	Đức	Gebrüder Martin GmbH & Co. KG	Đức	Cái/ Túi	Cái	14	3.300.000	46.200.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
227	39	3	Ông thông khí cho hô hấp	Ông thông màng nhĩ tạm thời	MV13301 MV16101	Covidien	Dominican	Medtronic Xomed, Inc.	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	60	240.000	14.400.000
228	219	3	Dao mổ cắt đốt bằng sóng Plasma dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ, cắt u vú, đầu mặt cổ.....	Tay dao plasma	PS210-030S PS200-040	Medtronic Powered Surgical Solutions	Mỹ	Medtronic Navigation Inc.	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	10	8.500.000	85.000.000
229	240	3	Dây cưa các loại dùng trong phẫu thuật	Lưỡi cưa	R254-04 R390-04 200S70-04F 280S185-04 180S102-04F	Medtronic Powered Surgical Solutions	Mỹ	Medtronic Powered Surgical Solutions	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	39	3.300.000	128.700.000
230	260	3	Xương con thay thế xương bản đáp	Trụ dẫn thay thế xương con	1156316 1129045	Medtronic Xomed Inc.,	Mỹ	Medtronic Xomed Inc.,	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	20	2.275.000	45.500.000
231	329	3	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu cong	Lưỡi cắt cong dùng trong tai mũi họng 40 độ, 4.0mm	1884006	Medtronic Xomed Inc.,	Mỹ	Medtronic Xomed Inc.,	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	70	4.150.000	290.500.000
232	330	3	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu thẳng	Lưỡi cắt loại thẳng dùng trong tai mũi họng	1884004	Medtronic Xomed Inc.,	Mỹ	Medtronic Xomed Inc.,	Mỹ	Gói/ 1 cái	Cái	70	4.150.000	290.500.000
233	380	3	Đầu đo Oxy máu não, không xâm lấn, người lớn, trẻ em	Cảm biến đo độ bão hòa oxy não, mô, người lớn, trẻ em	SAFB-SM/INTL SPFB/INTL	Covidie	Ireland	Covidien LLC,	Mỹ	10 Cái/ Hộp	Cái	30	3.200.000	96.000.000
234	413	3	Mũi khoan mài kim cương sản sọ trước	Mũi khoan kim cương nền sọ trước	1885078HSE 1885076HSE	Covidie	Dominican Republic	Medtronic Xomed, Inc	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	10	11.000.000	110.000.000
235	471	ng phân n	Cảm biến theo dõi độ sâu gây mê sử dụng 1 lần cho người lớn	Cảm biến đo độ mê sâu người lớn	186-0106	Celestica Electronics (S) Pte Ltd.	Singapore	Covidien LLC,	Mỹ	25 Cái/ Hộp	Cái	100	820.000	82.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
236	472	ng phân n	Cảm biến đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em	Cảm biến đo độ mê sâu trẻ em	186-0200	Celestica Electronics (S) Pte Ltd.	Singapore	Covidien LLC,	Mỹ	25 Cái/ Hộp	Cái	40	820.000	32.800.000
Tổng:	11	danh mục											Giá trị:	1.221.600.000
33. Công ty TNHH Toàn Ánh (Mã HSĐT: 38)														
237	356	3	Ống thông hai dẫn cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6, 7, 8Fr, dài 16cm	Ống thông niệu quản ImaJin™ 100% Silicone dài 16cm	AJ4261	Coleplast A/S	Pháp	Coleplast A/S	Đan Mạch	5 cái/hộp	cái	30	1.150.000	34.500.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	34.500.000
34. Công ty TNHH giải pháp khoa học Làn Da (Mã HSĐT: 39)														
238	481	3	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy da	Bioregen	Regenyal Laboratories S.r.l	Italy	Regenyal Laboratories S.r.l	Italy	Hộp 3 ống/ 1ml	ống	15	3.300.000	49.500.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	49.500.000
35. Công ty TNHH sản xuất thương mại Hạnh Minh (Mã HSĐT: 40)														
239	466	5	Bộ khăn vùng hậu môn và âm đạo	Bộ khăn vùng hậu môn và âm đạo	TD10-O01	Chi nhánh 2 Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	20 bộ/thùng	Bộ	50	262.500	13.125.000
240	468	6	Bộ sản phẩm đón bé chào đời	Bộ đón bé chào đời	TDBH-18 TDBX-O18	Chi nhánh 2 Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	28 bộ/thùng	Bộ	7.000	132.300	926.100.000
241	514	6	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não	TD02-A02	Chi nhánh 2 Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	4 bộ/thùng	Bộ	2.800	449.400	1.258.320.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
242	516	6	Áo phẫu thuật cỡ 160x135cm	Áo phẫu thuật (Size L)	TAPTL-TC02	Chi nhánh 2 Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	Công ty TNHH SX TM Hạnh Minh	Việt Nam	70 cái/thùng	Cái	30.000	29.000	870.000.000
Tổng:	4	danh mục											Giá trị:	3.067.545.000
36. Công ty TNHH thương mại Ánh Sáng Xanh (Mã HSDT: 42)														
243	348	3	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Băng lưới dùng trong phẫu thuật niệu, ngoại khoa (Lưới 6 nhánh Opur)	152000	Abiss	Pháp	Abiss	Pháp	Hộp/ 1 miếng	Miếng	20	15.960.000	319.200.000
244	349	3	Tấm nâng điều trị tiểu không tự chủ gia cố sàn âm đạo bằng polypropylene	Băng lưới dùng trong phẫu thuật niệu, ngoại khoa (Lưới TOT Cyrene)	102313	Abiss	Pháp	Abiss	Pháp	Hộp/ 1 miếng	Miếng	20	6.300.000	126.000.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	445.200.000
37. Công ty TNHH thương mại kỹ thuật An Pha (Mã HSDT: 44)														
245	492	4	Kẹp bấm da	Kim đính da	DSX35W	Công ty TNHH Mani Hà Nội/ MANI, INC.	Việt Nam/ Nhật Bản	MANI, INC.	Nhật Bản	6 cái/ hộp	Cái	60	200.000	12.000.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	12.000.000
38. Công ty TNHH thương mại - dịch vụ kỹ thuật Hoàng Lộc (Mã HSDT: 46)														
246	53	6	Dây nối áp lực cao đo áp lực động mạch	Dây nối áp lực cao 800PSI, dài 30cm	138 xxxx 1	Bicakcilar	Thổ Nhĩ Kỳ	Bicakcilar	Thổ Nhĩ Kỳ	1Cái/ gói vô trùng	Cái	30	210.000	6.300.000

Meza

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
247	410	3	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, sử dụng ≥ 30 lần, các cỡ	Mask thanh quản 2 nòng Proseal 100% silicone sử dụng 40 lần, số 1 ~ 2.5 (US); 3~5 (Seychelles)	150010; 150015; 150020; 150025; 150030; 150040; 150050	Parker/Celle (Teleflex)	Mỹ, Seychelles	Teleflex	Ireland	1Cái/ gói vô trùng	Cái	62	6.300.000	390.600.000
248	498	3	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi	Ống cô lập phổi Ez Blocker 7Fr x 75cm	MG-02770-002	Arrow (Teleflex)	CH Séc (Mỹ, Ailen)	Arrow (Teleflex)	CH Séc (Mỹ)	1Cái/ gói vô trùng	Cái	10	6.783.000	67.830.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	464.730.000
39. Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Trọng Tín (Mã HSDT: 47)														
249	22	3	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm, cỡ 22G, dài 50/80/100mm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm SonoBlock cỡ 22Gx50mm	001180-74	Pajunk	Đức	Pajunk Medizintechnologie GmbH	Đức	Hộp/10 Cái	Cái	250	314.790	78.697.500

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
250	54	3	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng dùng thông khí độc lập 1 phổi, cỡ 28 -> 39Fr, dài 42cm	Ống nội phế quản(nội khí quản 2 nòng) trái/phải các cỡ	21-xx22 22-xx22	Sumi	Ba Lan	Sumi Spółka z Ograniczoną Odpowiedzialnością Sp.k.	Ba Lan	Hộp/1 cái	Cái	250	1.470.000	367.500.000
251	55	4	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái/phải, các cỡ 28 -> 41Fr	Ống nội phế quản Blue Line 2 nòng trái/phải, bóng Soft Seal, các số 28 đến 41	197-xxR 198-xxL	Smiths	Mexico	Smiths Medical ASD, Inc	Hoa Kỳ	Hộp/1 cái	Cái	250	1.887.900	471.975.000
252	272	3	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mổ mở, bằng polypropylene	Lưới điều trị thoát vị X-Mesh Light	LM0611 LM7615 LM1010 LM1015	Linxobere	Đức	Linxobere Medizintechnik GmbH	Đức	Gói/ 1 miếng	Miếng	168	627.900	105.487.200
253	375	6	Bộ dẫn lưu vết mổ bằng silicone, 100ml	Bình dẫn lưu vết thương silicone thể tích 100ml	03080xxx	Yaxin	Trung Quốc	Suzhou Yaxin Medical Products Co.,Ltd	Trung Quốc	Gói/ 1 bộ	Bộ	200	335.979	67.195.800
Tổng:	5	danh mục											Giá trị:	1.090.855.500
40. Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Hạnh Nguyên (Mã HSDT: 49)														
254	154	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglactin 910, đa sợi số 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi bện Polyglactine 910 (PGLA) số 3/0 dài 75cm, Demophorius	PGLA23026B0	Demophorius Ltd	Síp	Demophorius Ltd	Síp	12 Tép/ Hộp	Tép	180	49.000	8.820.000
255	160	4	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp đa sợi, bằng polyglactin 910, số 3/0 70cm, kim tròn 1/2C, 26mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi bện Polyglactine 910 Plus có kháng khuẩn (APGLA) số 3/0 dài 75cm, Demophorius	APGLA23026B0	Demophorius Ltd	Síp	Demophorius Ltd	Síp	12 Tép/ Hộp	Tép	3.200	62.000	198.400.000

7007

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
256	165	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglactin 910, đa sợi số 1 dài 90cm, 1 kim tròn 1/2C dài 40mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi bền Polyglactine 910 (PGLA) số 1 dài 90cm, Demophorius	PGLA90140B0	Demophorius Ltd	Síp	Demophorius Ltd	Síp	12 Tép/ Hộp	Tép	2.988	64.000	191.232.000
257	172	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglactin 910, đa sợi số 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn 1/2C dài 26mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi bền Polyglactine 910 (PGLA) số 2/0 dài 75cm, Demophorius	PGLA22026B0	Demophorius Ltd	Síp	Demophorius Ltd	Síp	12 Tép/ Hộp	Tép	540	52.000	28.080.000
258	173	4	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp đa sợi, bằng polyglactin 910, số 2/0 70cm, kim tròn 1/2C, 26mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi bền Polyglactine 910 Plus có kháng khuẩn (APGLA) số 2/0 dài 75cm, Demophorius	APGLA22026B0	Demophorius Ltd	Síp	Demophorius Ltd	Síp	12 Tép/ Hộp	Tép	960	71.500	68.640.000
259	181	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 20mm, 1/2C	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 75cm, Demophorius	PDO24020B0	Demophorius Ltd	Síp	Demophorius Ltd	Síp	12 Tép/ Hộp	Tép	1.548	84.000	130.032.000
260	421	4	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí, dài 90-100mm, đường kính 5/11/12mm	Trocar nhựa không dao LaproSurge	EC5SLBT EC10SLB AUTO EC12SLB AUTO	LaproSurge Limited	Anh Quốc	LaproSurge Limited	Anh Quốc	1 Cái/ Gói	Cái	1.484	1.950.000	2.893.800.000
261	491	3	Kéo mổ nội soi cong, 5mm	Kéo đầu cong có đốt điện đơn cực, đường kính trục 5mm LaproSurge	LS006	LaproSurge Limited	Anh Quốc	LaproSurge Limited	Anh Quốc	1 Cái/ Gói	Cái	1.200	1.400.000	1.680.000.000
Tổng:	8	danh mục											Giá trị:	5.199.004.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
	41. Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật Xuất Nhập Khẩu Huy Hoàng (Mã HSDT: 51)													
262	242	3	Mạch máu nhân tạo bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 6 -> 8 mm, dài 39 -> 41 cm	VASCUGRAFT NEO STANDARD DIA. 6 -7- 8 MM LENGTH 40 CM	V1103516, V1103517, V1103518,	Jotec GmbH	Đức	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	5	20.000.000	100.000.000
263	243	3	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng polyester, dài 40 cm	UNI-GRAFT K DV BIFURCATED PROTHESES 40CM	1104527, 1104560, 1104586, 11045xx, 11046xx (Các cỡ)	Aesculap A.G / Aesculap Chifa Sp.o.o	Đức/ Balan	Aesculap A.G	Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	50	12.783.000	639.150.000
264	244	3	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm dài 60cm	SILVER GRAFT STRAIGHT TUBES DIA. 6, 7, 8 MM LENGTH 60CM	1108012, 1108013, 1108014	Aesculap A.G / Aesculap Chifa Sp.o.o	Đức/ Balan	Aesculap A.G	Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	5	29.566.500	147.832.500
265	245	3	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm, dài 90 cm	SILVER GRAFT HELIX SUPPORTED DIA 6, 8 MM, LENGTH 90CM	1108024, 1108025	Aesculap A.G / Aesculap Chifa Sp.o.o	Đức/ Balan	Aesculap A.G	Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	10	52.325.000	523.250.000
266	246	3	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc kháng khuẩn, đường kính 8 -> 20mm dài 30cm	SILVER GRAFT STRAIGHT TUBES DIA. 8 - 20MM LENGTH 30CM	1108004, 1108005, 1108006, 1108007, 1108008	Aesculap A.G / Aesculap Chifa Sp.o.o	Đức/ Balan	Aesculap A.G	Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	2	18.770.000	37.540.000
267	287	3	Miếng vá mạch máu tái tạo thành mạch máu bằng Polyesterurethane	VASCULAR PATCH	1107330, 1107348, 1107356, 1107xx	Aesculap A.G	Đức	Aesculap A.G	Đức	Hộp/ 1 miếng	Miếng	10	4.000.000	40.000.000
Tổng:	6	danh mục											Giá trị:	1.487.772.500

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
42. Công ty TNHH thiết bị y tế Y Phương (Mã HSĐT: 52)														
268	1	3	Kéo dán mô nội soi 0.5ml	HISTOACRYL BLUE 0.5ML	1050044	Aesculap AG	Đức	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 10 Lọ	Lọ	400	225.771	90.308.400
269	9	3	Vật liệu cầm máu xương xốp, cỡ 25x30mm	BONE WAX 24 X 2.5 G	1029754	Aesculap AG	Đức	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 24 miếng	Miếng	700	43.260	30.282.000
270	72	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6, đơn sợi, 1kim tròn bằng thép dài 3mm, số 11/0	DAFILON BLACK 11/0 (0.1) 10CM DRM3	G1118366	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/12 tệp	Tệp	12	467.250	5.607.000
271	77	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamide 6, đơn sợi số 1, dài 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C,	DAFILON BLUE 1 (4) 75CM DS30	C0935492	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	1.884	27.300	51.433.200
272	82	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 5/0 dài 75cm, 1 Kim thang, dài 16mm, 3/8C	DAFILON BLUE 5/0 (1) 75CM DS16	C0935123	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tệp	Tệp	1.620	23.940	38.782.800
273	86	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene và Polyethylene, số 5/0, 75cm, 2 kim tròn, 3/8C, 13mm	OPTILENE 5/0 (1) 75CM 2XDR13 CV2 RCP	C3097907	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	576	102.480	59.028.480
274	87	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 22mm	OPTILENE 4/0 (1,5) 90CM 2XHR22 CV RCP	C3090976	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	1.080	89.775	96.957.000
275	92	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene + Polyethylene, số 3/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 26mm	OPTILENE 3/0 (2) 90CM 2XHR26 CV RCP	C3090908	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	756	98.175	74.220.300

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
276	95	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	DAFILON BLUE 3/0 (2) 75CM DS24 DDP	C0935352	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	17.172	19.992	343.302.624
277	97	4	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi tổng hợp số 2/0, 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, 26mm	OPTILENE 2/0 (3) 90CM 2XHR26 CV RCP	C3090909	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tệp	Tệp	400	92.190	36.876.000
278	105	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 4/0 dài 75cm, 1 Kim thang, dài 19mm, 3/8C	DAFILON BLUE 4/0 (1,5) 75CM DS19	C0935204	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tệp	Tệp	2.844	21.357	60.739.308
279	116	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene và Polyethylene, số 5/0, 75cm, 2 kim tròn, 1/2C, 13mm	OPTILENE 5/0 (1) 75CM 2XHR13 CV RCP	C3090954	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	576	93.450	53.827.200
280	117	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C	OPTILENE 5/0 (1) 90CM 2XHR17 CV RCP	C3090901	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	1.812	118.965	215.564.580
281	122	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 17mm	PREMICRON G/W 2/0 (3) 8X75 2XHR17 (M)	M0027775	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 06 tệp	Tệp	90	891.450	80.230.500
282	123	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 17mm, miếng đệm 6x3mm	PREMICRON G/W 2/0(3) 8X75CM 2XHR17(M)PF6	M0027776	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 06tệp	Tệp	90	1.225.077	110.256.930

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chung loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
283	125	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm, miếng đệm 6x3mm	PREMICRON G/W 2/0 8X75 2XHR22 CV PF6 MLP	M0027605	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/06tép	Tép	150	1.132.593	169.888.950
284	126	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm, miếng đệm mềm 6x3mm	PREMICRON G/W2/0(3)8X75CM2XHR22 CVPS6MLP	M0027867	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/06tép	Tép	150	1.081.080	162.162.000
285	127	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 2/0 dài 75cm, kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	DAFILON BLUE 2/0 (3) 75CM DS24	C0935360	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36tép	Tép	5.640	20.790	117.255.600
286	128	4	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 2/0 dài 75cm, kim tam giác, dài 30mm, 3/8C	DAFILON BLUE 2/0 (3) 75CM DS30	C0935476	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36tép	Tép	1.044	22.785	23.787.540
287	133	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6/66, đơn sợi, 6/0 dài 45cm. 1 Kim tam giác, dài 12mm, 3/8C	DAFILON BLUE 6/0 (0.7) 45CM DS12	C0932060	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36tép	Tép	132	33.915	4.476.780
288	153	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polydioxanone, 7/0, dài 70 cm, 1 kim tam giác, 3/8C, 10mm	MONOPLUS VIOLET 7/0 (0.5) 70CM 2XDR10(M)	C0024801	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36tép	Tép	1.356	197.295	267.532.020

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
289	166	4	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp đa sợi bằng polyglactin 910, số 1, dài 70cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 30mm	NOVOSYN CHD VIOL 1 (4) 70CM HR30S (M)DDP	C1068549	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tệp	Tệp	3.564	107.205	382.078.620
290	174	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, 1 dài 90cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 40mm, 1/2C	MONOMAX VIOLET 1 (4) 90CM HR40S (M)	B0041098	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/24 tệp	Tệp	250	126.000	31.500.000
291	175	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 0 dài 90cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 40mm, 1/2C,	MONOMAX VIOLET 0 (3,5) 90CM HR40S (M)	B0041097	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/24 tệp	Tệp	48	124.110	5.957.280
292	182	3	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng Glyconate, đơn sợi, 3/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 22mm, 1/2C	MONOSYN VIOLET 3/0 (2) 70CM HR22 (M) RCP	C2022015	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	360	84.483	30.413.880
293	189	3	Chỉ khâu tiêu nhanh tổng hợp đa sợi bằng Polyglactin 910 số 2/0, 90cm, kim tròn 1/2C, 37mm	NOVOSYN QUICK UNDY 2/0(3)90CM HR37S(MDDP)	C3046595	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	4.000	82.635	330.540.000
294	191	3	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng Glyconate, đơn sợi số 4/0, dài 45cm, 1 kim thép không gỉ 3/8C dài 19mm	MONOSYN QUICK UND4/0(1,5)45CM DGMP19	C0025804	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	tệp	144	90.510	13.033.440

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
295	195	3	Chỉ thép số 1 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 37mm	STEELEX STE SET 1(4)X45CM HRC37SS(M) LP	G0617144	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/12 tệp	Tệp	72	354.900	25.552.800
296	196	3	Chỉ thép số 2 dài 45cm, kim tròn đầu cắt, 1/2C 37mm	STEELEX STE SET 2(5)X45CM HRC37SS(M) LP	G0617142	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/12 tệp	Tệp	48	309.750	14.868.000
297	199	3	Chỉ thép điện cực đa sợi số 3/0, 60cm, 1 kim tròn 13mm, 1 kim thẳng 51mm	STEE ELE SETW/B3/0 2X60CM HR13MGSS1VBKSG	C0990008	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	Tệp	504	371.070	187.019.280
298	217	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Glyconate, số 2/0, dài 70cm, 1 kim tròn, 1/2C dài 26mm	MONOSYN VIOLET 2/0 (3) 70CM HR26S (M)RCP	C2022086	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tệp	Tệp	1.000	90.195	90.195.000
299	483	3	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu bằng silicone, màu vàng	SURGICAL LOOP SILIC. YELLOW 1.5MM 2X45CM	B1095030	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/24 tệp	Tệp	48	106.995	5.135.760
300	484	3	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu bằng silicone, màu xanh	SURGICAL LOOP SILIC. BLUE 2.5MM 75CM	B1095528	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/24 tệp	Tệp	480	91.560	43.948.800
301	485	3	Chỉ nâng đỡ, màu đỏ	SURGICAL LOOP SILICON RED 1.5MM 2X45CM	B1095013	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/24 tệp	Tệp	384	106.890	41.045.760
Tổng:	34	danh mục											Giá trị:	3.293.807.832
43. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Công Nghệ Xanh (Mã HSDT: 53)														
302	232	4	Dao siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm, dài 20cm	Dao siêu âm HARMONIC HD 1000i 20CM	HARHD20	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II, Mexico	Mexico	Ethicon Endo Surgery, LLC, Mỹ	Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	12	17.484.495	209.813.940
303	340	3	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, để thẳng, sử dụng pin, 23-31mm	Dụng cụ khâu cắt nối sử dụng pin ECHELON CIRCULAR	CDH23P/ CDH25P/ CDH29P/ CDH31P	Nypor Healthcare Baja Inc., Mexico	Mexico	Ethicon Endo Surgery, LLC, Mỹ	Mỹ	Hộp/ 3 cái	Cái	50	14.590.800	729.540.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	939.353.940

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
44. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh (Mã HSĐT: 55)														
304	4	6	Vật liệu cầm máu cỡ 8 x 2 x 1.5cm	Miếng cầm máu mũi loại tiêu chuẩn CENEFOM (Loại có dây)	NP-LL15S	CENEFOM CORP	Đài Loan	CENEFOM CORP	Đài Loan	Hộp/ 20 miếng	Miếng	2.400	91.500	219.600.000
Tổng:	1	danh mục											Giá trị:	219.600.000
45. Công ty TNHH thiết bị y tế Bình Minh (Mã HSĐT: 56)														
305	314	3	Dây dẫn đường trong phẫu thuật nội soi, đường kính từ 0.025 -> 0.038", dài 150cm	Zipwire Hydrophilic Guidewires	M0066302xxB1	Lake Region Medical - Mỹ	Mỹ	Lake Region Medical - Mỹ	Mỹ	Hộp/ 5 cái	Cái	50	2.520.000	126.000.000
306	315	4	Dây dẫn đường trong phẫu thuật bằng chất PTFE, đường kính 0.035", dài 150cm	Zebra™ Guidewires	M0066701XXX	Boston Scientific Corporation - Costa Rica	Costa Rica	Boston Scientific Corporation - Mỹ	Mỹ	1 hộp/ 2 cái	cái	50	2.016.000	100.800.000
Tổng:	2	danh mục											Giá trị:	226.800.000
46. Công ty TNHH Huy Thông (Mã HSĐT: 57)														
307	43	6	Ống dẫn lưu đường mật, thân qua da, dài 30cm	Pigtail Drainage Catheter Set (One Step Type)	BT-PD1-0830-W BT-PD1-1030-W BT-PD1-1230-W BT-PD1-1430-W BT-PD1-1630-W	Bioteque Corporation	Đài Loan	Bioteque Corporation	Đài Loan	Gói / cái	Cái	1.000	1.029.000	1.029.000.000
308	46	3	Ống dẫn lưu ổ bụng 24-> 26Fr	Sillicon Drain - Soft Drain	27Fr, 30Fr, 33Fr	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Gói / cái	Cái	130	126.000	16.380.000
309	371	3	Bộ đặt dẫn lưu sau phẫu thuật áp lực 120mbar, 250ml	Pri Low Vac Save Set	250ml	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Hộp / bộ	Bộ	1.500	178.500	267.750.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	1.313.130.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
47. Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Thăng Long Quốc Tế (Mã HSĐT: 59)														
310	251	6	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm	U04A021136; U04A021146; U04A021236; U04A021246	Well Lead Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Well Lead Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Cái/ Hộp	cái	10	5.000.000	50.000.000
311	354	3	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8Fr, dài 26cm	Sonde JJ	U05A092626 U05A092726 U05A092826	Well Lead Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Well Lead Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Cái/ Gói	Cái	1.300	220.000	286.000.000
312	449	6	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xẻ mô, kích thước 272µm	Sợi Truyền Quang	272µm	Shanghai Raykeen Laser Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Shanghai Raykeen Laser Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Sợi/ Gói	Sợi	4	35.000.000	140.000.000
313	450	6	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xẻ mô, kích thước 550µm	Sợi Truyền Quang	550µm	Shanghai Raykeen Laser Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Shanghai Raykeen Laser Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Sợi/ Gói	Sợi	10	35.000.000	350.000.000
314	495	6	Ống kính nội soi mềm	Ống Soi Mềm	PU3022A	Zhuhai Pusen Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Zhuhai Pusen Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Cái/ Hộp	cái	50	28.000.000	1.400.000.000
Tổng:	5	danh mục											Giá trị:	2.226.000.000
48. Công ty Cổ phần kỹ thuật Thái Dương (Mã HSĐT: 60)														
315	48	3	Ống thông dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo bằng polyethylen, đường kính 7/8.5/10Fr	Ống thông dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo bằng polyethylen, đường kính 7/8.5/10Fr	PE204xxxxx	Endo-Flex	Đức	Endo-Flex	Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	120	1.050.000	126.000.000
316	308	3	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	SLP-6	Intelligent Endoscopy, LLC	Mỹ	Intelligent Endoscopy, LLC	Mỹ	Hộp/ 1 bộ	bộ	350	1.390.000	486.500.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
317	395	3	Clip cầm máu, đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	Clip cầm máu, đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	100.xx	OVESCO ENDOSCOPY AG	Đức	OVESCO ENDOSCOPY AG	Đức	Hộp/1 cái	Cái	2	17.800.000	35.600.000
318	422	3	Kim chích cầm máu dạ dày chích keo	Kim chích cầm máu dạ dày chích keo	NET2522-B6	Endo-Flex	Đức	Endo-Flex	Đức	Gói/ cái	Cái	120	800.000	96.000.000
319	423	3	Kim chích cầm máu dạ dày đại tràng loại có đầu kim loại an toàn	Kim chích cầm máu dạ dày đại tràng loại có đầu kim loại an toàn	NET2522-G4	Endo-Flex	Đức	Endo-Flex	Đức	Gói/ cái	Cái	760	800.000	608.000.000
320	442	3	Dụng cụ sinh thiết u trong nội soi siêu âm	Dụng cụ sinh thiết u trong nội soi siêu âm	ECHO-HD-19-C; ECHO-HD-3-20-C; ECHO-HD-22-C; ECHO-HD-25-C; ECHO-3-22; ECHO-1-22; ECHO-19; ECHO-25; ECHO-HD-22-EBUS-O-C; ECHO-HD-25-EBUS-O-C; ECHO-HD-22-EBUS-P; ECHO-HD-25-EBUS-P	Cook Ireland Limited	Ireland	Cook Medical LLC	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	2	15.000.000	30.000.000
321	443	3	Dụng cụ bẫy lỗ thủng thành tiêu hóa	Dụng cụ bẫy lỗ thủng thành tiêu hóa	200.xx	OVESCO ENDOSCOPY AG	Đức	OVESCO ENDOSCOPY AG	Đức	Hộp/1 cái	Cái	2	17.500.000	35.000.000
Tổng:	7	danh mục											Giá trị:	1.417.100.000
49. Công ty TNHH thiết bị và công nghệ Tân Đại Thành (Mã HSDT: 61)														
322	34	3	Dây nối kẹp dùng trong truyền dịch nhanh	Dây bệnh nhân kẹp	903-00004P	Belmont Medical	Mỹ	Belmont Medical	Mỹ	Cái/ túi	Cái	20	2.900.000	58.000.000
323	424	3	Bình chứa dịch 3 lít dùng trong truyền dịch nhanh	Bình chứa dịch 3.0 lít	903-00018P	Belmont Medical	Mỹ	Belmont Medical	Mỹ	Cái/ hộp	Cái	20	6.500.000	130.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
324	467	3	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh	Bộ phụ kiện tiêu chuẩn 3 đầu lấy dịch	903-00006P	Belmont Medical	Mỹ	Belmont Medical	Mỹ	Bộ/túi	Bộ	20	8.500.000	170.000.000
Tổng:	3	danh mục											Giá trị:	358.000.000
50. Công ty TNHH trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình (Mã HSĐT: 62)														
325	452	5	Bao chụp đầu đèn	Bao chụp đầu đèn	BT06	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/ cái	Cái	3.500	13.650	47.775.000
326	494	5	Miếng lót phẫu thuật	Khăn lót 80x 120cm	KH16-80x120 KG4	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/ 1 cái	Cái	10.000	12.075	120.750.000
327	499	5	Khăn trải bàn mayo hai lớp	Khăn phủ bàn mayo 80 x 145cm	KH09-80x145	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Hộp/ 70 cái	Cái	5.000	29.400	147.000.000
328	513	5	Bộ khăn sử dụng trong mổ tim hở, dùng cho trẻ em	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em (PA-TM-02A)	PA-TM-02A	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Gói/ 1 bộ	Bộ	100	483.000	48.300.000
Tổng:	4	danh mục											Giá trị:	363.825.000
51. Công ty TNHH y tế Việt Tiến (Mã HSĐT: 63)														
329	253	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, chỉ số khúc xạ < 1.5	Thủy tinh thể nhân tạo CT Lucia 611PY	CT LUCIA 611PY	Carl Zeiss Meditec Production LLC	Mỹ	Carl Zeiss Meditec AG	Đức	1 cái/hộp	Cái	50	2.625.000	131.250.000
330	254	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, đặt qua vết mổ 1.8mm	Thủy tinh thể nhân tạo AT LISA tri 839MP	AT LISA tri 839MP	Carl Zeiss Meditec AG / Carl Zeiss Meditec SAS	Đức / Pháp	Carl Zeiss Meditec AG	Đức	1 cái/hộp	Cái	20	20.000.000	400.000.000
331	257	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo CT Asphina 404	CT ASPHINA 404	Carl Zeiss Meditec AG / Carl Zeiss Meditec SAS	Đức / Pháp	Carl Zeiss Meditec AG	Đức	1 cái/hộp	Cái	150	1.735.000	260.250.000
332	319	3	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco thành phần Sodium hyaluronate	Dịch nhầy dùng cho phẫu thuật phaco Z-Hyalin plus	Z-Hyalin plus	Hyaltech Ltd.	Vương Quốc Anh	Hyaltech Ltd.	Vương Quốc Anh	1 ống/hộp	Ống	200	650.000	130.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
333	451	3	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành	Bộ khăn can thiệp mạch vành (Bộ khăn phẫu thuật mạch vành)	D-037-4	Công ty TNHH NTI VINA	Việt Nam	Công ty Cổ phần sản xuất Vật tư y tế VT Production	Việt Nam	5 bộ/ thùng	Bộ	70	783.134	54.819.380
Tổng:	5	danh mục											Giá trị:	976.319.380
52. Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Khoa (Mã HSDT: 64)														
334	38	3	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bóng 8-> 20mm	Bóng nong EZDilate loại (WG)	BD-410X-0855/ BD-410X-1055/ BD-410X-1355/ BD-410X-1555/ BD-410X-1855/ BD-410X-2055	Nordson Medical Design and Development	Mỹ	Gyrus ACMI, Inc.	Mỹ	1 cái/ hộp	Cái	6	11.000.000	66.000.000
335	49	3	Ống thông dẫn lưu mật trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dẫn lưu đường mật, thẳng	PBD-1030-1005/ PBD-1030-1007/ PBD-1030-1009/ PBD-1030-1012/ PBD-1030-1015/ PBD-1030-1205/ PBD-1030-1207/ PBD-1030-1209/ PBD-1030-1212/ PBD-1030-1215	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	100	942.000	94.200.000
336	309	3	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài 0.035"	Dây dẫn hướng 0.035". 4500mm	G-260-3545S/ G-260-3545A	Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	40	7.350.000	294.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
337	311	3	Dây dẫn đường trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài 0.025"	Dây dẫn hướng 0.025". 4500mm	G-260-254SS/ G-260-254SA	Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	20	7.350.000	147.000.000
338	317	3	Bóng kéo sỏi 3 kênh dùng kéo sỏi ống mật chủ	Bóng kéo sỏi 3 kênh	B-V232P-A/ B-V432P-A/ B-V442Q-A	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	110	5.292.000	582.120.000
339	347	3	Dụng cụ thắt polyp	Dụng cụ thắt polyp sử dụng 1 lần (5 cái/hộp)	HX-400U-30	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	5 cái/ hộp	Cái	50	1.370.880	68.544.000
340	353	3	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ, đường kính 22mm	Rọ lấy sỏi 4 dây, tương thích dây dẫn hướng	FG-V432P	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	7	6.640.000	46.480.000
341	357	3	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr-28Fr, 12 cái/hộp	WA22306D	Olympus Medical Products Czech	Cộng Hòa Séc	Olympus Winter & Ibe GmbH	Đức	12 cái/ hộp	Cái	108	4.370.000	471.960.000
342	394	3	Kẹp cầm máu, ngàm dài 9mm	Kẹp cầm máu loại dài (40 cái/hộp)	HX-610-090L	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	40 cái/hộp	Cái	1.500	415.000	622.500.000
343	408	3	Kẹp cầm máu, ngàm dài 7.5 mm	Kẹp cầm máu (40 cái/hộp)	HX-610-135	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	40 cái/ hộp	Cái	5.700	415.000	2.365.500.000
344	427	3	Dao cắt kim dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược, đường kính 5Fr	Dao cắt kim có phủ lớp cách điện	KD-V451M	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	12	6.929.194	83.150.328
345	428	3	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt cơ vòng, loại V	KD-V411M-0725	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	110	5.389.373	592.831.030
346	444	3	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng	Bộ đẩy stent	MAJ-1818/ MAJ-1820	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/ hộp	Cái	55	3.850.000	211.750.000
347	446	3	Que tán sỏi điện thủy lực	Que tán sỏi, 4.5 Fr x 600 mm, loại mềm	A2335	Walz Elektronik	Đức	Walz Elektronik	Đức	1 cái/ gói	Cái	60	6.200.000	372.000.000

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
348	447	3	Que tán sỏi siêu âm bằng kim loại, dài 396mm, đường kính 3.76mm	Que tán sỏi Shockpulse, 3.76mm (1 cái/hộp)	SPL-PR376	Gyrus ACMI, Inc.	Mỹ	Gyrus ACMI, Inc.	Mỹ	1 cái/gói	Cái	8	22.963.000	183.704.000
349	510	3	Ngáng miệng	Ngáng miệng (50 cái/hộp)	MAJ-1632	KeyMed (Medical & Industrial Equipment) Ltd.	Anh Quốc	KeyMed (Medical & Industrial Equipment) Ltd	Anh Quốc	50 cái/hộp	Cái	2.700	42.000	113.400.000
350	511	3	Tay cầm gắn kẹp cầm máu xoay được	Tay cầm gắn kẹp cầm máu xoay được	HX-110QR	Aomori Olympus Co., Ltd.	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp.	Nhật Bản	1 cái/hộp	Cái	40	21.500.000	860.000.000
Tổng:	17	danh mục											Giá trị:	7.175.139.358
53. Công ty TNHH thương mại - dịch vụ - y tế Định Giang (Mã HSDT: 65)														
351	26	3	Dây đốt lưỡng cực, chiều dài ≥ 4m	Dây đốt lưỡng cực	370135S	Sutter Medizintechnik GmbH	Đức	Sutter Medizintechnik GmbH	Đức	Cái/gói	Cái	20	2.415.000	48.300.000
352	227	3	Kẹp lưỡng cực không dính, dài 22 cm, đường kính đầu tip 0.7mm	Kẹp lưỡng cực không dính	780191SGS	Sutter Medizintechnik GmbH	Đức	Sutter Medizintechnik GmbH	Đức	Cái/Hộp	Cái	20	15.760.000	315.200.000
353	229	3	Tay dao cắt, đốt hình kiếm	Tay dao cắt, đốt hình kiếm	20132-250	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Hộp/1 cái	Cái	12	4.662.000	55.944.000
354	238	3	Điện cực đơn cực hình vòng, dài 140mm, đường kính 20mm	Điện cực đơn cực hình vòng	21191-144	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Gói/1 cái	Cái	80	672.000	53.760.000
355	381	3	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, đường kính 2.3mm, dài 2.2m, vác một bên	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa,vác một bên	20132-224	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Cái/gói	Cái	3	5.302.500	15.907.500
356	382	3	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, đường kính 2.3mm, dài 2.2m, vác tròn	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa,vác tròn	20132-221	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Erbe Elektromedizin GmbH	Đức	Cái/gói	Cái	5	3.937.500	19.687.500

7/10/21

STT	Thông tin theo HSMT			Thông tin sản phẩm dự thầu										
	STT theo HSMT	Phân nhóm TT 14 theo HSMT	Tên danh mục	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
357	384	3	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính	1280H	NISSHA Medical Technologies Ltd.	Anh	NISSHA Medical Technologies Ltd.	Anh	50 cái/hộp	Cái	340	21.000	7.140.000
Tổng:	7	danh mục											Giá trị:	515.939.000
54. Công ty TNHH thiết bị y tế Khải Vinh (Mã HSDT: 67)														
358	157	5	Chỉ khâu tiêu chậm bằng sợi Collagen đơn sợi số 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C dài 36mm	Chromic Catgut 3.5(2/0)75cm 1/2HR36	-	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Hộp/ 30 tệp	Tệp	1.530	18.585	28.435.050
359	159	5	Chỉ khâu tiêu chậm bằng sợi Collagen, đơn sợi số 2/0, dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 26mm	Chromic Catgut 3.5(2/0)75cm 1/2HR26	-	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Hộp/ 30 tệp	Tệp	500	19.320	9.660.000
360	162	5	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Collagen, số 1/0, dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 40mm	Chromic Catgut 5(1)75cm 1/2HR40	-	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Hộp/ 30 tệp	Tệp	390	20.475	7.985.250
361	168	5	Chỉ khâu tiêu chậm bằng collagen số 3/0, 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C, 26mm	Chromic Catgut 3(3/0)75cm 3/8DS26	-	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Hộp/ 30 tệp	Tệp	1.440	20.500	29.520.000
Tổng:	4	danh mục											Giá trị:	75.600.300
Tổng cộng:		361	danh mục										Tổng giá trị:	123.176.360.053

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KHÔNG LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 171/QĐ-BVĐHYD ngày 8/08/2022)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	5	N02.04.050	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng cellulose 10 x 20cm.	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, - Chất liệu bằng cellulose oxy hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, lưới mềm, dễ thao tác, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày, - Kích thước 10 x 20cm, - Tiêu chuẩn CE	Hộp/ 12 miếng	Miếng	2.728	425.926	1.161.926.128	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
2	11	N03.02.040	4	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cỡ	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cỡ - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ: 20G (đường kính kim 0.7mm), 22G (đường kính kim 0.9mm), chiều dài kim 15mm, chiều dài dây nối 25 cm - Cấu tạo: Kim gấp góc có đế cố định không màu nối với dây nối, có khóa kẹp - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hoặc tương đương loại Cytonan non-coring needle	Hộp/ 25 cái	Cái	320	43.323	13.863.360	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
3	12	N03.03.050	3	Catheter đo cung lượng tim liên tục, cỡ 7.5Fr, dài 110cm	Catheter đo cung lượng tim liên tục đo các chỉ số CO/ SV O2/ RVEDV - Catheter bằng Polyvinylchlorua (PVC) - Cỡ 7.5Fr, dài 110cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với monitor Vigilance	Gói/1 cái	Cái	20	6.500.000	130.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
4	13	N03.03.070	4	Kim gây tê tủy sống, có cánh, cỡ 18G-> 27G	Kim gây tê tủy sống, có cánh - Bằng thép không gỉ - Thiết kế định hướng 3 mặt vát sắc bén - Chuôi kim hình lăng trụ, có nhiều rãnh quan sát dịch chảy ra và thuốc tiêm vào - Cỡ 18G-> 27G, đường kính ngoài 0.4->1.2mm, đường kính trong 0.3-> 0.8mm, độ mở khoảng 0.24->0.84mm, dài 150mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	5.500	20.790	114.345.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
5	14	N03.03.070	3	Kim gây tê tủy sống cỡ 18G -> 27G	Kim gây tê tủy sống - Bằng thép không gỉ, 3 mặt vát sắc bén, cỡ 18G-> 27G, dài 150mm. - Chuôi kim hình lăng trụ, có nhiều rãnh quan sát dịch chảy ra và thuốc tiêm vào - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	50 cái/ Hộp	Cái	7.000	21.835	152.845.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
6	15	N03.03.070	3	Kim gây tê tủy sống, đầu kim bút chì 27G	- Kim gây tê tủy sống - Bằng thép không gỉ cỡ 27G x 3 1/2" - Kim dẫn đường cỡ 22G x 1 3/8" - Đầu kim bút chì - Chuôi kim trong suốt, có phản quang, phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Thùng/ 100 cái	Cái	1.000	77.000	77.000.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
7	16	N03.03.070	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 18G, 100mm	- Kim gây tê đám rối thần kinh - Catheter bằng Polyamid và Polyurethane không bị gãy gập, dài 1000mm, có 3 đường cân quang ngầm, 6 lỗ thoát thuốc. Có dây dẫn điện - Kim dẫn cong 18G dài 100mm, khắc chữ "X" xung quanh thân kim để tối đa hóa cân âm, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với máy kích thích thần kinh stimuplex HNS12.	Hộp/10 bộ	Bộ	100	1.045.000	104.500.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
8	17	N03.03.070	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 18G, 50mm	- Kim gây tê đám rối thần kinh - Catheter bằng Polyamid và Polyurethane không bị gãy gập, dài 400mm, có 3 đường cân quang ngầm, 6 lỗ thoát thuốc. Có dây dẫn điện - Kim dẫn cong 18G dài 50mm, khắc chữ "X" xung quanh thân kim để tối đa hóa cân âm, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với máy kích thích thần kinh stimuplex HNS12.	Hộp/10 bộ	Bộ	50	1.045.000	52.250.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
9	19	N03.03.070	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 21G, 100mm	- Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim 21G dài 100mm, mặt vát 30 độ, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12.	Hộp/25 cái	Cái	100	150.476	15.047.600	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
10	20	N03.03.070	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 22G, 50mm	- Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim 22G dài 50mm, mặt vát 30 độ, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12.	Hộp/25 cái	Cái	50	150.476	7.523.800	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
11	21	N03.03.070	3	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm cỡ 18G dài 50/100mm	- Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim nhọn, trơn, khả năng hiển thị cao dưới máy siêu âm, xác định chính xác vị trí và góc chính xác khi đâm kim. - Catheter 20G dài 50/90cm, kim tê 18G dài 50/100mm - Đi kèm: Co nối catheter, lọc khí 0.2 micro mét, dây dẫn đường, miếng cố định catheter. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với máy kích thích thần kinh stimplex HNS12.	Gói/1 cái	Cái	100	671.790	67.179.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
12	27	N03.05.020	3	Bộ dây dẫn khí 2 bể nước dùng cho máy thở, người lớn	- Bộ dây dẫn khí 2 bể nước dùng cho máy thở, người lớn - Chất liệu: polyethylene (PE) - Gồm 4 đoạn dây, mỗi đoạn dài 80cm và có thêm 1 đoạn dây limb nối với bình làm ẩm dài 80cm. 2 bể nước trong suốt, có khuấy xoay được, có chữ Y có 2 cổng luer và nắp đậy cố định. Có nối thẳng riêng thiết kế 2 đầu M/M, đường kính 22mm, người lớn, dùng 1 lần. Đầu nối tiêu chuẩn 15mm và 22mm. - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Thùng 20 cái	Cái	750	142.800	107.100.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
13	30	N03.05.020	3	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em	- Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em - Bằng nhựa PE và PVC, - Gồm: 2 dây thở co giãn tối đa 1.5m, đường kính 15mm, có nối có cổng đo CO2, đoạn ống dài 0.8m đường kính 22mm hai đầu có co 22mm F, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: CE/ISO	Thùng 20 cái	Cái	150	79.800	11.970.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
14	35	N04.01.010	3	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	- Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng - Chất liệu là PVC - Đầu ống 3mm, dài 2inch (5.1 cm) - Thân có chấn phóng xạ, đầu nối vặn xoắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 20 cái	Cái	20	1.250.000	25.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
15	36	N04.01.050	3	Bóng nang đường mật dùng để nang trung hợp đường mật, cạnh bóng tròn,	- Bóng nang đường mật dùng để nang trung hợp đường mật, cạnh bóng tròn, - Chất liệu nylon trong suốt, có đánh dấu cân quang, đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 1900mm - Đầu bóng nang có đầu silicon mềm - Đường kính bóng bơm tối đa: 8.0 -> 20.0mm - Áp lực bơm tối đa: 5.1bar->9.6bar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/1 cái	Cái	2	11.088.000	22.176.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
16	41	N04.01.090	6	Ống thông pezzet, cỡ 12-> 36Fr	- Ống thông pezzet - Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex - Kích cỡ từ 12 -> 36Fr, chiều dài khoảng 40cm - Đặc tính: đầu ống hình quả bí, có 3 lỗ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/1 cái	Cái	140	18.270	2.557.800	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
17	44	N04.02.030	6	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ	- Ống dẫn lưu vết mổ - Chất liệu silicon - Loại tròn/ dẹp, các cỡ, có tối thiểu các độ dài 60cm, 102cm, 125cm. - Tương thích bộ dẫn lưu vết mổ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE	Gói/1 cái	Cái	1.200	230.000	276.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
18	45	N04.02.030	6	Ống dẫn lưu đường mật bằng cao su, cỡ 14-> 20Fr	- Ống dẫn lưu đường mật, - Chất liệu cao su tự nhiên latex, mềm, có tính kích thích mô để tạo đường hầm - Thiết kế đầu ống bo tròn để luồn, - Dài 20 (ngang) x 40cm (dọc), số 14-> 20Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	380	17.850	6.783.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
19	47	N04.02.030	5	Ống dẫn lưu ổ bụng cỡ 28	- Ống dẫn lưu ổ bụng cỡ 28 - Bằng cao su tự nhiên dẻo, có 6 lỗ nằm dọc theo chiều dài của ống để tránh nghẹt và tăng khả năng dẫn lưu, không gây kích thích hay phản ứng mô của cơ thể, bề mặt trơn láng để giảm thiểu nguy cơ nhiễm trùng, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/1 cái	Cái	1.300	10.500	13.650.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
20	51	N04.03.060	3	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông	- Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông - Chất liệu bằng titanium - Đầu nối này phù hợp với ống thông lọc màng bụng có đường kính trong 104" > 130" dài 2.64 > 3.30 mm, đường kính ngoài 192" > 200" dài 4.88 > 5.08 mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/5 cái	Cái	50	2.047.469	102.373.450	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
21	57	N04.04.010	3	Ống thông nông đường mật	- Ống thông nông đường mật dùng nông đường mật, đường tụy - Chất liệu Teflon có cân quang - Kích thước catheter : 4Fr -> 11.5Fr - Dẫn thuận dài ≥ 3cm - Chiều dài ≥ 200 cm - Kích thước làm việc 2.8mm - 4.2mm - Tương thích dây dẫn ≥ 0.035 inch - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/1 cái	Cái	3	4.200.000	12.600.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
22	59	N04.04.010	3	Catheter lấy huyết khối các cỡ 2F->7F	- Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu bóng: Cao su, catheter bằng PEBAX - Có vạch đánh dấu độ sâu - Đường kính các cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F. Dài 80cm. - Đường kính bóng lần lượt 4.5mm, 8mm, 10.5mm, 13mm, 13.5mm, 14mm. Thể tích bóng 0.05ml, 0.2ml, 0.75ml, 1.5ml, 1.6ml, 1.75ml - Tiêu chuẩn ISO/CE	Gói/1 cái	Cái	50	1.100.000	55.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
23	60	N04.04.010	3	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch bằng Pebax, đường kính 6-> 14mm	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Catheter bằng Pebax, đường kính 2Fr->7Fr, dài 80cm - Bóng bằng cao su, thể tích 0.2->1.75ml, đường kính 6-> 14mm - Dây dẫn 0.018-> 0.038" - Có vạch đánh dấu độ sâu - Hai dải chần bớc xạ ở hai đầu gần và xa của bóng tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA	Gói/1 cái	Cái	30	2.880.000	86.400.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
24	63	N05.02.020	3	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 2/0, dài khoảng 60-> 62cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0, tếp 13 sợi dài khoảng 60-> 62cm, phủ sáp, không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA	Hộp/12 tếp	Tếp	960	23.100	22.176.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
25	64	N05.02.020	4	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 3/0, dài khoảng 60-> 62cm, không kim	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 3/0, tếp 13 sợi dài khoảng 60-> 62cm, phủ sáp, không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA	Hộp/12 tếp	Tếp	1.000	19.950	19.950.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
26	69	N05.02.030	5	Chỉ khâu không tiêu bằng tơ tằm số 8/0 dài 45cm, 2 kim hình thang 3/8C dài 6mm	Chỉ khâu không tiêu trong phẫu thuật mắt - Chỉ bằng tơ tằm số 8/0, dài 45cm - 2 kim hình thang, 3/8C dài 6mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	hộp/24 tếp	tếp	72	98.280	7.076.160	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
27	78	N05.02.030	5	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng tơ tằm, số 0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đơn sợi khâu mô mềm - Chỉ bằng tơ tằm số 0 dài 75cm, - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO	Hộp / 24 tếp	Tếp	1.810	16.380	29.647.800	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
28	80	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 7/0 dài 60cm. 2 kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 7/0 dài 60cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, Hệ thống cánh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp / 12 tếp	Tếp	328	209.265	68.638.920	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
29	96	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 2/0 dài 90cm. 2 kim tròn đầu cắt, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 2/0 dài 90cm, không tan giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp / 12 tếp	Tếp	360	137.083	49.349.880	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
30	101	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene và Polyethylene, đơn sợi, 6/0 dài 75cm, 2 Kim tròn đầu tròn, dài 10mm, 3/8C,	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 6/0, dài 75cm, lực căng kéo nút thắt 3.53N. - 2 Kim tròn đầu tròn 10mm, 3/8C, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304), phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	744	108.255	80.541.720	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
31	103	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi 6/0 dài 60cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 11mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene số 6/0, dài 60cm, - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 11mm, 3/8C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tệp	Tệp	372	143.990	53.564.280	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
32	107	N05.02.030	4	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp Polypropylene, đơn sợi, 4/0 dài 90cm. 2 Kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 3/8C	Chỉ khâu không tan, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene số 4/0, dài 90cm, chất phủ Polyethylen glycol, chịu lực suốt vòng đời - 2 kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 3/8C, loại kim surgical phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/FDA	Hộp/ 36 tệp	Tệp	384	117.000	44.928.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
33	108	N05.02.030	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 25mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0 dài 75cm, phủ sáp, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 25mm, 1/2C, vàng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ Silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA	Hộp/12 tệp	Tệp	2.000	31.394	62.788.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
34	112	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 6/0 dài 60cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 6/0 dài 60cm, không tan giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA	Hộp 36/tệp	Tệp	468	174.930	81.867.240	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
35	118	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi 5/0 dài 75cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 13mm, 1/2C,	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 75cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 13mm, 1/2C, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	540	140.947	76.111.380	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
36	120	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng nylon, đơn sợi, 10/0 dài 30cm, 2 Kim tròn đầu cắt 3/8C.	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi khâu kết mạc, giác mạc và củng mạc, - Chỉ bằng nylon 10/0 dài 30cm, - 2 Kim tròn đầu cắt bằng thép không gỉ, 3/8C, phủ silicon. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 12 tệp	Tệp	24	160.545	3.853.080	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
37	121	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 10/0 dài 20cm, 2 kim thẳng	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu treo thủy tinh thể vào củng mạc, - Chỉ bằng Polypropylene 10/0 dài 20cm, - 2 Kim thẳng bằng thép không gỉ, phủ silicon. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 12 tệp	Tệp	12	180.810	2.169.720	Danh mục không có nhà thầu tham dự
38	124	N05.02.030	3	Chỉ khâu không tiêu đa sợi bằng Polyester, 2/0 75cm 2 kim tròn, 1/2C 22mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, 2/0, dài 75cm phủ silicone. - 2 Kim tròn, chất liệu thép 300(304), 22mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói tệp/8 sợi: 4 sợi xanh, 4 sợi trắng - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/06tệp	Tệp	198	649.110	128.523.780	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
39	132	N05.02.030	5	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6, đơn sợi, 2/0 dài 75cm. 1 Kim cắt thẳng, dài 60mm.	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu đa - Chỉ bằng Polyamid 6, 2/0 dài 75cm - 1 Kim cắt thẳng bằng thép không gỉ, dài 60mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp / 24 tệp	Tệp	998	22.313	22.268.374	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
40	143	N05.02.040	6	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 18G, dài 100mm/200mm	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO) - Có nút xấp giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai đục - Cỡ chỉ 0.571-0.610, Chiều dài chỉ từ 170- 200mm - 1 Kim đầu tù bằng thép không gỉ 304 - Cỡ kim 18G, chiều dài 100mm - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm. - Thời gian tiêu: 6-8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE/ISO	tệp/ 4 cây	Cây	100	300.000	30.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự

STT	STT theo HSMT	Mã thông tin 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
41	145	N05.02.040	6	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 20G, dài 90mm/148mm	Chỉ khâu liên kim dùng nâng cơ thẩm mỹ - Chất liệu chỉ Polydioxanone (PDO), - Cỡ chỉ 0-0, chiều dài chỉ 148mm - Có mắt xếp giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai 3D - Độ bền khi kéo: Initial ≥ 0.35 kgf, thử nghiệm độ dai: Initial ≥ 0.45 kgf Hàm lượng nước: ≤ 500 ppm Đơn phần còn sót: $\leq 1\%$ Kim loại nặng: ≤ 10 ppm - Kim đầu tù kiểu chữ L, sử dụng loại thép không gỉ 304 - Cỡ kim 20G, chiều dài 90mm - Thời gian tiêu: 6-8 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	12 cây/gói bạc	Cây	360	41.800	15.048.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
42	148	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chặm bằng polydioxanone, đơn sợi, 4/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn bằng ethalloy dài 20mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chặm, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone 4/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 20mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ Silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	5.052	125.000	631.500.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
43	150	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chặm bằng polydioxanone, đơn sợi, 6/0 dài 70cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu chặm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone 6/0, dài 70cm, lực giữ vết mổ $\geq 60\%$ sau 2 tuần, $\geq 40\%$ sau 4 tuần, $\geq 35\%$ sau 6 tuần, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ Silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp / 36 tệp	Tệp	360	479.640	172.670.400	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
44	152	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chặm bằng polydioxanone, đơn sợi, có neo trên thân chỉ, số 1 dài 45cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chặm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone số 1 dài 45cm, lực giữ vết mổ 75% sau 2 tuần - 65% sau 4 tuần - 55% sau 6 tuần, tan hoàn toàn 182 - 237 ngày, chất kháng khuẩn Triclosan, Ircare MP, 1 đầu tự khóa hình chữ nhật, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1 cm. - 1 Kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2C. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/12 tệp	Tệp	360	757.838	272.821.680	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
45	158	N05.02.050	5	Chỉ khâu tiêu chặm bằng sợi Collagen đơn sợi số 4/0 dài 37cm 2 kim tam giác 3/8C dài 12mm	Chỉ khâu tiêu chặm, đơn sợi dùng khâu da, niêm mạc... - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò số 4/0, dài 37cm, được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng, giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn trong 90 ngày. - Kim bằng thép không gỉ, 2 kim tam giác, 3/8C, dài 12mm, phủ silicone - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 24 tệp	Tệp	360	38.063	13.702.680	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
46	167	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi 3/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon 3/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vòng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ Silicon cải tiến. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/ 36 tệp	Tệp	864	121.479	104.957.856	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
47	176	N05.02.050	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn Irgacare MP số 4/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 22mm, 1/2C, phủ Silicon - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	1.800	120.152	216.273.600	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
48	177	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp đa sợi bằng polyglactin 910, số 4/0, 70cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 22mm	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp đa sợi - Băng Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-L-lactid 30/70) + CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 4/0, chỉ dài 70cm, - 1 Kim tròn 1/2C, dài 22mm bằng thép không gỉ phủ silicon. Giá trị trung bình lực căng kéo đứt đứt ≥ 9.32 N. Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn EC/ ISO	Hộp/ 36 tệp	Tệp	1.300	75.000	97.500.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
49	180	N05.02.050	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanon 2/0 dài 70cm, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vòng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, kim phủ Silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	180	113.600	20.448.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
50	194	N05.02.070	3	Chỉ thép số 4 dài 45cm, 1 kim tròn đầu cắt dài 48mm, 1/2C	Chỉ thép khâu xương ức, số 4 bằng thép không gỉ 316L, dài 45cm, - 1 Kim tròn đầu cắt dài 48mm, 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA	Tệp /4 sợi	Tệp	80	92.536	7.402.880	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
51	200	N05.02.080	3	Vật liệu thay thế chỉ khâu	Vật liệu thay thế chỉ khâu dùng khâu miệng vết thương và gia cố lực kéo căng khâu miệng vết thương tương đương như chỉ khâu hoặc kim bấm da. - Bằng sợi polyester + Rayon phủ keo Acrylate, không kích ứng - Kích cỡ 12 x 100 x 6mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 50 miếng	Miếng	964	9.643	9.295.852	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
52	203	N05.02.090	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, số 3/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn Irgacare MP - 1 kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 22 mm 1/2C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/ FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	490	80.308	39.350.920	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
53	205	N05.02.090	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 6/0 dài 45cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 13mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - 1 kim tròn đầu tròn bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 13 mm 1/2C. - Tiêu chuẩn ISO/ FDA	Hộp/12 tệp	Tệp	24	132.198	3.172.752	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
54	206	N05.02.090	1	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1 đa sợi, 1, dài 90cm. 1 Kim tròn đầu nhọn, 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khô bằng 140% USP, số 1 dài 90cm - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2 C, kim được phủ sắc bén - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tệp	Tệp	5.544	75.000	415.800.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
55	207	N05.02.090	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, số 1, dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin 910, số 1 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn Irgacare MP - 1 kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 31 mm 1/2C - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn ISO/ FDA.	Hộp/36 tệp	Tệp	2.268	97.450	221.016.600	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
56	208	N05.02.090	3	Chi khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, số 1, dài 90cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2C	Chi khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chi bằng polyglactin 910, cỡ chỉ số 1 dài 90cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn Igacare MP - 1 kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40 mm 1/2C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/ 36 tệp	Tệp	1.656	96.511	159.822.216	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
57	210	N05.02.090	3	Chi khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 26mm, 1/2C	Chi khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin 910, số 3/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn Igacare MP - 1 kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 26 mm 1/2C. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	3.816	76.020	290.092.320	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
58	216	N05.02.090	3	Chi khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 2/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chi khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin 910, số 2/0 dài 70cm, chịu lực 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, được bọc 50% polyglactin 370 + 50% Calcium Stearate, chất kháng khuẩn Igacare MP - 1 kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26 mm 1/2C. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	3.281	80.308	263.490.548	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
59	218	N05.03.040	4	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện	Hộp/ 1 cái	Cái	18	50.137.500	902.475.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
60	221	N05.03.040	3	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mô phẫu thuật tổng quát, đường kính 1.98mm, dài 7.98cm	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mô phẫu thuật tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao đường kính 1.98mm, dài 7.98cm. Biên độ dao động 287 đến 355 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính. - Trọng lượng 3.54g. Có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiết khuẩn Tương thích với máy Cusa excel hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Hộp/4 cái	Cái	60	11.500.000	690.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tin 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
61	224	N05.03.040	3	Đầu dao 36kHz, đường kính 1.57mm, dài 12.15cm	Đầu dao 36kHz, là đầu mũi dao micro cong kéo dài cho phẫu thuật thần kinh, - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính 1.57 mm, dài 12.15 cm. Biên độ dao động 175 > 193micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính. - Trọng lượng 7.5 g, có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Cusa Excel hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/4 cái	Cái	8	18.000.000	144.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
62	226	N05.03.040	3	Đầu dao nội soi ổ bụng 23kHz, đường kính 1.98mm, dài 30.14cm	Đầu dao nội soi ổ bụng 23kHz dùng cho phẫu thuật tổng quát - Đầu dao là hợp kim titanium - Đầu dao dài 30.14cm, đường kính đầu dao 1.98mm. - Kèm 6 đầu phun dịch. - Tương thích máy Cusa excel hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Hộp/1 cái	Cái	60	23.000.000	1.380.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
63	230	N05.03.040	4	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm, cán dao dài 8-10 cm	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mềm, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài lưỡi dao: 10-18mm * Chiều dài cán dao: 8-10 cm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5>7mm - Chiều dài mỗi hàn 8-16 mm, chiều dài mỗi cắt nhỏ hơn chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2-9 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ≥ 300 mmHg - Các bộ phận khác đi kèm: Dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Công nghệ thích ứng mô - Tương thích với dây dao cùng hãng - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 6 cái	Cái	140	11.457.000	1.603.980.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSM	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
64	231	N05.03.040	4	Dao mổ siêu âm dùng mổ mở, lưỡi cong dài 20-22mm	Dao mổ điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài lưỡi dao: 20-22mm * Chiều dài cán dao: 20-21cm - Lưỡi dao cong 40 độ có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn: tối đa 7mm - Chiều dài mỗi hàn 20 - 21 mm - Chiều dài mỗi cắt < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn: < 3mm - Thời gian hàn, cắt: 2-9 giây - Nhiệt độ khi hàn 80 - 200 độ - Thời gian an toàn khi chạm mô sau hàn (trở về 60 độ) < 80 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ít nhất > 300 mmHg - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Các bộ phận khác đi kèm: Dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích máy Valleylab FT10 hiện có tại bệnh viện	Hộp/ 6 cái	Cái	5	11.069.000	55.345.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
65	233	N05.03.040	3	Dao cắt hàn mạch máu lưỡng cực trong mổ nội soi, dài 30-40cm, đường kính 5mm	Dao cắt hàn mạch máu lưỡng cực trong mổ nội soi, - Chiều dài cán dao 30-40 cm, đường kính 5mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, đầu cong 20-25 độ - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5-7mm - Chiều dài mỗi hàn 20-22mm - Chiều dài mỗi cắt < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn: < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2-9 giây - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Các bộ phận khác đi kèm: dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích máy Valleylab FT10 hiện có tại bệnh viện	Hộp/ 1 cái	Cái	60	20.000.000	1.200.000.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
66	234	N05.03.040	4	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz, dài 30-40cm	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài lưỡi dao: 10-18mm, cong * Chiều dài cán dao: 30-40 cm, đường kính 5mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5-7mm - Chiều dài mỗi hàn 8-16 mm, chiều dài mỗi cắt nhỏ hơn chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt 2-9 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ≥ 300 mmHg - Các bộ phận khác đi kèm: Dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Công nghệ thích ứng mô - Tương thích với dây dao cùng hãng - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 6 cái	Cái	330	16.956.450	5.595.628.500	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
67	235	N05.03.040	3	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, dài 30-40cm, đường kính 5mm	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi - Kích thước * Chiều dài lưỡi dao: 10-18mm, * Chiều dài cán dao: 30-40 cm, đường kính: 5mm - Lưỡi dao thiết kế cong, có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn lên đến 5-> 7mm - Chiều dài mỗi hàn: 8-16 mm - Chiều dài mỗi cắt phải < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn < 3mm - Thời gian hàn, cắt: 2-9 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ít nhất > 300 mmHg - Công nghệ thích ứng mô - Các bộ phận khác đi kèm: Dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Tương thích hệ thống máy cắt đốt thunderbeat hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hỗ trợ kỹ thuật, lắp đặt	Hộp/1 cái	Cái	40	18.565.000	742.600.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
68	236	N05.03.040	4	Dao siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, lưỡi dao dài 30-40cm	Dao siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, tần số siêu âm 50000-55500Hz - Chiều dài lưỡi dao: 16-18mm - Lưỡi dao cong - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn: có thể lên đến 7mm (ưu tiên kích thước lớn hơn) - Chiều dài mỗi hàn: 8-16 mm - Chiều dài mỗi cắt phải nhỏ hơn chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn: < 3mm (ưu tiên sản phẩm có độ rộng ít hơn) - Công nghệ thích ứng mô - Thời gian hàn + cắt: 2-9 giây (ưu tiên sản phẩm có thời gian ít hơn) - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ít nhất > 300 mmHg - Chiều dài cán dao: 30-40 cm, đường kính: 5mm - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Dây nối, dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện	Hộp/ 6 cái	Cái	50	18.692.000	934.600.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
69	237	N05.03.040	3	Dao siêu âm không dây hàn, cắt mô, mạch máu dùng trong mổ nội soi, đường kính 5mm, dài 30-40cm	Dao siêu âm không dây hàn, cắt mô, mạch máu dùng trong mổ nội soi, tần số $\geq 55000\text{Hz}$ - Chiều dài cán dao: 30-40 cm, đường kính: 5mm - Lưỡi dao thiết kế cong, có lớp chống dính trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn: tối đa 7mm - Chiều dài mỗi hàn: 0.5-1.5cm - Chiều dài mỗi cắt phải < chiều dài mỗi hàn - Độ rộng tổn thương mô mỗi khi hàn: < 3mm - Thời gian hàn, cắt: 2-9 giây - Thời gian an toàn khi chạm mô sau hàn trở về 60 độ: < 80 giây - Mỗi hàn sau cắt chịu được áp lực ít nhất > 300 mmHg - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tương thích máy tại bệnh viện - Hỗ trợ kỹ thuật, lắp đặt	Hộp/1 cái	Cái	20	23.500.000	470.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
70	239	N05.03.040	4	Dây dao siêu âm tương thích với dao siêu âm cùng hãng	Dây dao siêu âm tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Tệp khuôn - Tương thích máy Harmonic hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 cái	Cái	20	48.667.500	973.350.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
71	241	N05.03.060	3	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật thành quản	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật thành quản - Chất liệu thép không gỉ - Đầu cắt tù, không răng rưa, cong 15 độ - Lưỡi cắt cong kép - Đường kính 2.9mm, 3.5mm, 4.0mm; chiều dài lưỡi cắt: 18-27.5cm - Tốc độ hoạt động: 60 - 500 vòng/phút - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Gói/1 cái	Cái	5	7.200.000	36.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
72	252	N06.03.010	3	Thủy tinh thể nhân tạo cứng, một mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo cứng, một mảnh - Chất liệu Poly methyl methacrylate (PMMA), màu trắng (trong suốt) - Kích thước: • Chiều dài thủy tinh thể: 12.5 mm • Đường kính thủy tinh thể 7 mm - Thông số kỹ thuật • Chỉ số khúc xạ n: 1.49 • Hằng số A: 118.8 • Góc cắt 5 độ, Càng chữ C biến đổi, có 2 lỗ • Dây đeo: +4.0 D đến +34.0 D - Tệp khuôn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	4	1.000.000	4.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
73	258	N06.03.010	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu, chỉ số khúc xạ 1.55	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu - Chất liệu: Acrylic kỵ nước, 0.04% chromophore, màu vàng - Kích thước: - Chiều dài thủy tinh thể: 13.0 mm - Đường kính optic 6.0 mm, phi cầu, bờ vuông - Thiết kế: - Càng và optic được liền một mảnh cùng chất liệu - Lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh bước sóng từ 400 - 475 nm - Chỉ số khúc xạ (n): 1.55 - Càng chữ L biến đổi cái tiến, góc càng 0 độ - Đặt qua vết mổ ≥ 2.2 mm, kèm cartridge - Dây Diop: +6.0 D $\rightarrow$ +30.0 D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	50	3.492.900	174.645.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
74	265	N06.05.020	1	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polypropylene, chống dính, 15x15cm	- Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, co giãn đa chiều - Chất liệu bằng polypropylene đơn sợi, dệt 2D, - Kích thước lỗ 1.5 x 1.5mm, - Trọng lượng nhẹ 38g/m², - Kích thước 15 x 15 cm, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA	3 miếng/ hộp	Miếng	10	1.200.000	12.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
75	266	N06.05.020	3	Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	- Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 10-12cm, dọc ≥ 15cm - Trọng lượng 70- 140g/m² - Kích thước lỗ 1-3mm - Khả năng chịu lực ≥ 16N/cm, - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt chéo - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	30	3.500.000	105.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
76	267	N06.05.020	3	Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn nội soi, bằng polypropylene	- Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 10-15cm, dọc 13-15cm - Trọng lượng 70-140 g/m² - Khả năng chịu lực: ≥ 16N/cm, - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt: lưới hoặc đan - Có đường kẻ định hình không gian - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	20	1.350.000	27.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
77	268	N06.05.020	3	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	- Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mô nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 10-12cm, dọc ≥ 15cm - Trọng lượng 35-70 g/m² - Kích thước lỗ 1-3mm - Khả năng chịu lực ≥ 16N/cm, - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt chéo - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp / 1 miếng	Miếng	40	4.950.000	198.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
78	278	N06.05.020	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 10x15cm	- Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: 10x15cm - Trọng lượng: 70-140 g/m² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: ≥ 32N/cm theo chiều dọc, ≥ 22N/cm theo chiều ngang, - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt: lưới hoặc đan - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	20	1.795.815	35.916.300	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
79	279	N06.05.020	3	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 30x30cm	- Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: 30x30cm - Trọng lượng: 70-140 g/m² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: ≥ 32N/cm theo chiều dọc, ≥ 22N/cm theo chiều ngang, - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt: lưới hoặc đan - Đóng gói: riêng rẽ, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	15	3.000.480	45.007.200	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
80	286	N06.05.020	3	Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, chống dính, hình elip	- Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, hình elip - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 15-18cm, dọc 20-22 cm - Trọng lượng 35-70g/m² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: ≥ 32N/cm theo chiều dọc, ≥ 22N/cm theo chiều ngang, - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt chéo - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp / 1 miếng	Miếng	10	13.650.000	136.500.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
81	288	N06.06.020	3	Miếng chống dính tự tiêu cỡ 50x70x0.05mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu: Chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ: 50x70x0.05mm - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật. - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	2	4.290.000	8.580.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ
82	289	N06.06.020	3	Miếng chống dính tự tiêu, 100x130x0.05mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu: Chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ: 100x130x0.05mm - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật. - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	30	5.280.000	158.400.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ
83	290	N06.06.020	3	Miếng chống dính tự tiêu, 200x130x0.05mm	Miếng chống dính tự tiêu, dùng trong phẫu thuật tổng quát, sản khoa, tiết niệu - Chất liệu: Chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide theo tỷ lệ 70:30 - Kích cỡ: 200x130x0.05mm - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật. - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, ngăn cản tăng sinh của mô sẹo và quá trình hình thành hoặc tái hình thành dính sau phẫu thuật. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	30	6.270.000	188.100.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
84	293	N06.06.030	3	Keo sinh học, 2ml	Keo sinh học bột kín kể hồ, dính bề mặt và gia cố các mô mềm, trong mô tim, mạch máu, phổi, sinh thực, màng cứng, tiêu hóa... - Thành phần: Là protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực $\geq 450\text{mgHg}$ - Thể tích: 2ml - Thiết kế xy lanh hai nồng và vòi bơm dạng xoắn - Tiệt khuẩn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Tube/2ml	tube	115	7.500.000	862.500.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ
85	295	N06.06.030	3	Keo sinh học, 5ml	Keo sinh học bột kín kể hồ, dính bề mặt và gia cố các mô mềm trong phẫu thuật tại tim, mạch máu, phổi, sinh thực, màng cứng, tiêu hóa... - Thành phần: Là protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực $> 450\text{mgHg}$ - Thể tích: 5ml - Thiết kế xy lanh hai nồng và vòi bơm dạng xoắn - Tiệt khuẩn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Tube/5ml	tube	230	8.452.500	1.944.075.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ
86	303	N06.06.070	3	Miếng vá tạo hình sọ mặt	Miếng vá tạo hình sọ mặt - Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần. - Cỡ 30 x50mm dày 0.45mm; 50 x76mm dày 0.85mm/1.5mm - Tiêu chuẩn FDA,	Gói/ cái	Cái	5	14.000.000	70.000.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
87	307	N07.01.110	3	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 20G, 22G, dài 80mm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đo huyết áp động mạch xâm lấn - Kim bằng thép không gỉ, đường kính 0.8mm và 0.95mm, dài 50mm - Catheter bằng Fluorinated ethylene propylene (FEP), cỡ 20G và 22G dài 80mm, khóa laser lock để cố định - Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 25cm, 1 đầu cứng và 1 đầu mềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/20 bộ	Bộ	4.800	283.500	1.360.800.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
88	310	N07.01.270	3	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.035-0.038", dài 150cm	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) phủ nitinol, đầu phủ lớp hydrophilic - Kích cỡ: đường kính 0.035-0.038", dài 150cm - Thiết kế: có điểm cân quang ở đầu dây dẫn, đầu mềm thân cứng để qua những chỗ hẹp. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 5 cái	Cái	170	2.252.000	382.840.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
89	313	N07.01.270	3	Dây dẫn đường mật, đường kính 0.035", dài 260-> 450cm	Dây dẫn đường mật, đầu thẳng, mềm, dây cứng linh hoạt. Sử dụng 1 lần - Đường kính 0.035" dài 260-> 450cm. Đoạn 5cm phủ hydrophilic giúp dễ linh trong môi trường nước - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hoặc tương đương loại Jagwire	Hộp/ 2 cái	cái	4	2.520.000	10.080.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
90	316	N07.01.370	3	Keo nút mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng	Keo nút mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng - Thành Phần: Co-polymer và iodine, cân quang, không bị phân hủy trong Dimethyl sulfoxide (DMSO) - Bao gồm: 01 bơm tiêm 1ml chứa hợp chất Co- Polymer với Iodine; 1 bơm tiêm 1ml chứa chất DMSO - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại Phil	Hộp/1 lọ	Lọ	120	12.000.000	1.440.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
91	320	N07.03.040	3	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco tổng hợp Sodium hyaluronate, Sodium chondroitin sunfate	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco - Thành phần: • 1 ống 0.4ml chứa 1% sodium hyaluronate • 1 ống 0.35ml chứa 3% sodium hyaluronate • 4% Sodium chondroitin sunfate - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tương đương Duovisc	Hộp/ 2 ống	Ống	150	606.000	90.900.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
92	321	N07.03.040	3	Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, thành phần Hyaluronate Sodium 1.8%	Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, - Thành phần Hyaluronate Sodium 1.8%, trọng lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton, độ nhớt 2 triệu mPas, độ thẩm thấu 200-400 mosmol/kg và độ pH 6.8-7.6 - Thể tích 0.85ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA	Hộp/ 1 ống	Ống	250	750.000	187.500.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
93	322	N07.03.070	4	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA	Đầu dò cắt Amidan và nạo VA, bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cũng có điện cực 3 chấu được tách biệt bằng ceramic. Có dòng nước muối tích hợp để cài đặt nhanh chóng và dễ dàng - Các bộ phận đi kèm: dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 bộ	Bộ	100	5.650.000	565.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
94	323	N07.03.070	4	Đầu dò cắt cường mũi	Đầu dò cắt cường mũi, bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu: Làm bằng nhựa tổng hợp, với phần hoạt động là thép không gỉ - Dụng cụ thẳng thon gọn, có phần tay cầm làm bằng nhựa tổng hợp, nối với phần hoạt động là trục đường kính 2.9mm với đầu góc cạnh giúp đưa vào cường mũi dễ dàng. Có 3 điểm đánh dấu độ sâu của đầu dò, có đường dọc cho phép dễ dàng định hướng đầu dò, kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút, điện cực hoạt động dạng lưới. - Đánh liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính và máy hút. - Bộ phận đi kèm: đầu dò có tay cầm đánh liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính - Tương thích với máy Coblator II - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 bộ	Bộ	10	6.594.000	65.940.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
95	324	N07.03.070	4	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA	Đầu dò cắt, đốt và nạo VA bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực dạng mạng lưới thẳng được tách biệt bằng ceramic. - Hệ thống phân phối đường nước muối riêng. Có 3 lỗ bơm và thoát nước cách đầu điện cực khoảng 1.5cm. - Các bộ phận khác đi kèm: Dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 bộ	Bộ	20	6.594.000	131.880.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
96	325	N07.03.070	4	Đầu dò phẫu thuật xoang cắt, đốt	Đầu dò phẫu thuật xoang cắt, đốt bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C - Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động có trục làm việc bằng thép không gỉ - Phần hoạt động có thể uốn cong dài khoảng 15cm, đầu gấp góc nhẹ để dễ quan sát, kèm theo một kênh dẫn nước và một kênh hút. Đầu ngoài cùng có điện cực 3 chấu được cách nhiệt bằng ceramic. - Hệ thống phân phối đường nước riêng hảo hơn, có 3 lỗ thoát nước cách đầu điện cực khoảng 1.5cm. - Các bộ phận khác đi kèm: Dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy(gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/1 bộ	Bộ	10	6.794.000	67.940.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
97	326	N07.03.070	4	Đầu dò đốt cuống mũi	Đầu dò đốt cuống mũi bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động bằng thép không gỉ - Kích thước: phần hoạt động là phần kim loại đường kính 2.9mm gấp góc, khoảng cách từ đầu đốt tới chỗ gấp góc là 42.6mm. Độ dài đầu đốt là 10.5mm. Đường kính đầu đốt là 1.3 mm, đầu đốt mỏng, nhọn, tròn để đưa vào trong cuống mũi, có 2 vạch chia màu để đo độ sâu, không có kênh dẫn nước, không có kênh hút. - Các bộ phận khác đi kèm: dây nối máy (gắn liền với tay cầm và phần hoạt động). - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Reflex Ultra PTR	Hộp/1 bộ	Bộ	10	6.510.000	65.100.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
98	327	N07.03.070	4	Đầu dò đốt màn hầu	Đầu dò đốt màn hầu bằng điện lưỡng cực ở tần số radio tạo nhiệt độ thấp 40 - 70 độ C nơi phẫu thuật - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa tổng hợp, phần hoạt động làm bằng thép không gỉ - Phần hoạt động gấp góc 55 độ thuận lợi để tiếp cận màn hầu, Không có kênh dẫn nước hay kênh hút. Đầu ngoài cứng nhỏ, gọn để dễ xâm nhập mô - Các bộ phận khác đi kèm: Dây truyền dịch, dây hút dịch, dây nối máy (gắn liền với tay cầm và phần hoạt động) - Tương thích với máy Coblator II - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Reflex Ultra 55	Hộp/1 bộ	Bộ	5	5.841.000	29.205.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
99	328	N07.03.090	3	Đầu kim Phaco 19G	Đầu kim phaco dùng để tán và hút nhân thủy tinh thể - Chất liệu bằng thép không gỉ, tái sử dụng - Cỡ 19G, đầu thẳng mặt vát 30° đồng trục - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA - Hỗ trợ nối máy	Hộp/ 6 chiếc	Chiếc	6	2.200.000	13.200.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
100	331	N07.04.020	3	Bộ mở da dày qua da bơm bóng loại thay thế bằng silicon, cỡ 24Fr, dài 24.6cm	Bộ mở da dày qua da bơm bóng loại thay thế, bơm bóng 20cc - Chất liệu bằng silicon - Cỡ 24Fr dài 24.6cm - Bao gồm: 1 khóa xoay; 2 bơm tiêm 10ml luer có sẵn dung dịch; 2 gel bôi trơn tan trong nước, 1 bolster - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	35	2.200.000	77.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
101	332	N07.04.020	3	Bộ mở dạ dày qua da kèm thuốc tê	- Chất liệu bằng silicon - Cỡ 24Fr, đường kính 5.5mm, dài 150cm - Bao gồm: 1 bộ draper; 1 thông lọng; 5 cái gạc 4x4cm; 1 kéo; 1 dụng cụ cầm máu; 1 trục đỡ; 1 kẹp ống; 1 bộ chuyển; 2 khóa xoay; 1 dây cáp; 1 bộ nối male; 1 bolster; 2 túi gel bôi trơn hòa tan trong nước; 1 kim 22G; 1 kim 25G; 1 gạc vệ sinh; 1 thuốc mỡ povidone; 1 thuốc tê Xylocaine 1%; 1 ống bơm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	40	3.400.000	136.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
102	333	N07.04.040	1	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong kỹ thuật Longo và Starr	- Ghim bằng titanium - Thiết kế: 32 ghim dập, có đầu đe tháo rời - Kích thước: • Chiều cao ghim 3.5 -> 4.8mm, • Đường kính ghim 33mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 3 bộ	Bộ	2.090	8.900.000	18.601.000.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
103	334	N07.04.040	6	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	- Ghim bằng titanium - Đường kính ngoài 33.4 mm, đường kính lòng cắt 24 mm - Thiết kế 3 hàng ghim chứa 48 ghim dập - Ghim cao 3.4mm, chiều cao ghim đóng mô 0.75-> 1.6mm, rộng 3.8mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	240	4.389.000	1.053.360.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ
104	335	N07.04.040	3	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ	- Ghim bằng Titanium - Đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 25mm - Thiết kế chứa 32 ghim bấm - Ghim cao 4.2 mm, chiều cao ghim đóng mô 0.75 -> 1.5mm, rộng 4 mm, đường kính 0.3mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	240	6.500.000	1.560.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
105	337	N07.04.050	4	Dụng cụ khâu nối thẳng nội soi 60mm gấp góc đa năng, sử dụng pin	- Chất liệu: đe bằng thép không gỉ - Kích thước: cán dài 34cm, - Thiết kế gấp góc 45 độ, tự động thu dao sau khi bắn, hình dạng ghim sau khi đóng chữ B - Tương thích với băng đạn cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 3 bộ	Bộ	50	16.017.750	800.887.500	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
106	338	N07.04.050	4	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ, 6 hàng ghim - Kích thước: cán dài 32-36cm, đường kính 10-12mm, chiều dài hãm 60mm, độ mở hãm 20-22mm, độ trượt mô < 1mm. - Thiết kế gấp góc mỗi bên 45 độ, tự động thu dao sau khi bắn, tối thiểu 5 lần bắn, hình dạng ghim sau khi đóng chữ B - Cấu trúc hãm là 1 khối, giữ ép mô trong suốt chiều dài hãm, 3 điểm tiếp xúc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tương thích với băng đạn cùng hãng	Hộp/ 3 bộ	Bộ	290	13.149.675	3.813.405.750	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
107	339	N07.04.050	4	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ, 6 hàng ghim - Kích thước: cán dài 32-36cm, đường kính 10-12mm, chiều dài hãm 45mm, độ mở hãm 20-22mm, độ trượt mô < 1mm. - Thiết kế gấp góc mỗi bên 45 độ, tự động thu dao sau khi bắn, tối thiểu 5 lần bắn, hình dạng ghim sau khi đóng chữ B - Cấu trúc hãm là 1 khối, giữ ép mô trong suốt chiều dài hãm, 3 điểm tiếp xúc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tương thích với băng đạn cùng hãng	Hộp/ 3 bộ	Bộ	30	13.149.675	394.490.250	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
108	341	N07.04.050	1	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng, 21-33mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong, đe nghiêng sau khi sử dụng, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Chất liệu ghim bằng titanium - Kích thước: • Chiều dài cán từ 18cm đến 35cm • Đường kính: 21-33mm - Thiết kế 2 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 3 bộ	Bộ	258	8.900.000	2.296.200.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
109	342	N07.04.050	4	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 21-33mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa - Ghim làm bằng titanium - Kích thước: Cán dài 18cm đến 35cm Đường kính: 21-33mm - Thiết kế 2 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B, chiều cao ghim đóng 1-> 2.5mm, số lượng ghim tương ứng với đường kính dao động 3-5 (đường kính - số lượng ghim) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 3 bộ	Bộ	156	8.855.000	1.381.380.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5036)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
110	344	N07.04.050	4	Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ, 70-80mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.5 đến 2.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ - Chất liệu: tay cầm plastic, lưỡi dao thép không gỉ - Chiều dài từ 70-80mm - Có thể điều chỉnh độ dày của ghim bấm (3 mức), hàm đo có 6 hàng ghim, hình dạng ghim bán hình chữ B, bấm được từ 2 phía, ghim 3D, tối thiểu bấm được 5 lần - Chiều dài đường cắt nhỏ hơn chiều dài đường ghim - Gắn với các băng đạn với chiều cao ghim sau khi đóng: 1.5mm, 1.8mm, 2.0mm - Tương thích với băng đạn cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 3 bộ	Bộ	300	5.313.000	1.593.900.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
111	345	N07.04.060	5	Lọng cắt polyp hình oval, đường kính 10/15/25mm	Lọng cắt polyp hình oval - Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 2300mm, - Đường kính lọng có độ mở tối đa 10/15/25mm, - Độ dày của dây lọng tối thiểu 0.47mm tối đa hóa cầm nắm và điều khiển dễ dàng, tích hợp tay cầm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 10 cái	Cái	190	1.300.000	247.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
112	346	N07.04.060	3	Thông lọng cắt polyp ống tiêu hóa, đường kính 7Fr, dài 240cm	Thông lọng cắt polyp ống tiêu hóa - Chất liệu sợi thép không gỉ pha nitinol, phủ ngoài Teflon, - Đường kính 7Fr, dài 240cm, cỡ snare 2.5x5.5cm và 3x6cm - Tay cầm đánh dấu mức kéo snare - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	90	890.000	80.100.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
113	351	N07.04.100	3	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng trong ERCP trong nội soi tiêu hóa - Rọ tích hợp tay cầm, thiết kế đầu rọ có nắm hình hạt đậu, xoay được, - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa/thuốc cản quang, không cản đường dây dẫn hướng, có phần kết nối với ống soi (C-hook), có V-Marking trên thân dụng cụ - Chiều dài làm việc 1900mm, tương thích với kênh dụng cụ 2.8mm trở lên, đường kính rọ 22mm. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Tương thích ống soi Olympus tại BV	Hộp/10 cái	Cái	5	6.640.000	33.200.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
114	361	N08.00.010	4	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ, 70-80mm, chiều cao ghim khi đóng 1.5mm, 1.8mm và 2.0mm	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ - Chất liệu: titanium - Kích thước * Chiều dài từ 70-80mm. * Chiều cao ghim khi đóng 1.5mm, 1.8mm và 2.0mm - Thiết kế 6 hàng ghim, đập ghim 3D - Tương thích dụng cụ khâu cắt nổi thẳng mô mỡ cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA	Hộp/ 12 cái	Cái	1.236	1.540.000	1.903.440.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
115	366	N08.00.010	4	Băng dạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60mm	Băng dạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng 60mm - Chất liệu: titanium, 6 hàng kim - Kích thước: * Chiều dài băng dạn 60mm, * Chiều cao ghim sau khi đóng 1.0/1.5/1.8/2.0mm - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA	Hộp/ 12 cái	Cái	1.240	2.641.000	3.274.840.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
116	369	N08.00.010	4	Băng dạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 45mm	Băng dạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng 45mm - Chất liệu: titanium, 6 hàng ghim - Kích thước: * Chiều dài băng dạn 45mm, * Chiều cao ghim sau khi đóng 1.0/1.5/1.8/2.0mm - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi cùng hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA	Hộp/ 12 cái	Cái	120	2.641.000	316.920.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
117	372	N08.00.080	3	Bộ đặt dẫn lưu sau phẫu thuật áp lực 900mbar, 400ml	Bộ đặt dẫn lưu sau phẫu thuật áp lực 900mbar - Chất liệu PVC - Dung tích bình 400ml, ống nối dài 125cm - Bao gồm 1 bình hút áp lực âm, 1 ống dẫn lưu dài 800mm, và 1 kim đâm xuyên da nối liền với ống dẫn lưu. Ống nối có đầu female nối với bình hút có đầu male. Đầu bình hút áp lực âm có khóa và lò xo giúp nhận biết áp lực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	370	157.500	58.275.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
118	373	N08.00.080	3	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm 700ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, dạng lò xo nén, có 2 van một chiều, có nắp xả cuối túi - Chất liệu bằng silicon, nhựa mềm - Bình chứa dung tích 700ml, - Dây dẫn dài 630mm, đường kính trong 1.6->3.5mm, đường kính ngoài 2.7-> 6.0mm - Vật tư đi kèm: 1 Trocar, dây treo bình - Tiệt khuẩn	Hộp/ 1 bộ	Bộ	1.500	262.500	393.750.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
119	377	N08.00.150	3	Buồng tiêm đa năng đặt cố định lâu dài dưới da	Buồng tiêm đa năng đặt cố định lâu dài dưới da + Vỏ bằng titanium hoặc nhựa. + Đường kính nền: 30/29mm. + Chiều cao: 11.2-11.7mm. + Thể tích trong: 0.6ml. + Cho phép truyền được chất cản quang, cản từ trực tiếp. + Tốc độ truyền tối đa: 5ml/giây. - Catheter cỡ 8F, làm bằng silicone, đầu đóng van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn - Chụp được dưới CT và MRI. - Tiêu chuẩn: FDA/ISO	Hộp/ 1 cái	Cái	10	7.900.000	79.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
120	379	N08.00.150	3	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Bể titanium, phủ silicone - Catheter 8.5Fr, đường kính trong 1.6mm - Chịu được truyền áp lực cao 22.4 bar - Tiệt khuẩn - Tương thích với môi trường MRI - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE	Hộp/1 bộ	Bộ	40	4.736.842	189.473.680	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
121	397	N08.00.260	3	Clip mạch máu cỡ 6.4 x 8.99mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Cỡ 6.4 x 8.99mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại ligacip	Hộp/ 108 cái	Cái	5.832	36.827	214.775.064	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
122	400	N08.00.260	4	Clip mạch máu cỡ 4x5.33mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Cỡ 4 x 5.33mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại ligacip	Hộp/ 216 cái	Cái	2.400	33.817	81.160.800	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
123	403	N08.00.260	3	Clip mạch máu cỡ 7.5 x 12.26mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Cỡ 7.5 x 12.26mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại Ligacip	Hộp/ 108 cái	Cái	1.404	40.250	56.511.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
124	404	N08.00.260	3	Clip mạch máu các cỡ	Clip mạch máu - Chất liệu: Polymer - Cấu tạo gai sọc thân clip chống trượt, có khoá an toàn - Clip kẹp mạch máu các cỡ từ 3-10mm, 5-13mm và 7-16mm. - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	VV 6 cái	Cái	8.004	70.000	560.280.000	Nhà thầu không đáp ứng tiêu chí đánh giá tính hợp lệ
125	405	N08.00.260	3	Clip mạch máu polymer, đường kính 3-> 16mm	Clip mạch máu - Chất liệu: Polymer - Đường kính 3->16mm, dài 32mm - Có gai sọc thân clip chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn, - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại Hemclak	VV 6 cái	Cái	24.996	52.000	1.299.792.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
126	407	N08.00.260	4	Clip mạch máu cỡ 3 x 3.63mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Cỡ 3 x 3.63mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cân clip - Tương đương loại ligacip	Hộp/ 216 cái	Cái	4.320	37.429	161.693.280	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSM T	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
127	411	N08.00.310	3	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, cỡ 3,4, 5	Mặt nạ thanh quản dùng đường miệng - Bằng silicone 100%, không latex - Thông khí áp lực 60cm H2O - Cỡ 3, 4, 5 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/1 cái	Cái	10	630.000	6.300.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSM T
128	412	N08.00.330	3	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai, đường kính 0.5 -> 6mm	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu: Thân bằng thép không gỉ, đầu mũi khoan hình tròn bằng kim cương - Đầu mũi khoan hình tròn, đường kính: từ 0.5 -> 6 mm, chiều dài từ 50 -> 80 mm - Tương thích máy khoan model IPC sử dụng tại viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/ 1 cái	Cái	12	2.700.000	32.400.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
129	414	N08.00.330	3	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sản sọ	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sản sọ - Chất liệu: thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, - Đường kính: từ 2.5 -> 5mm, cong 15 độ -> 70 độ - Mũi khoan dài 12.5 -> 15cm, - Tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/ 1 cái	Cái	10	11.000.000	110.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
130	415	N08.00.330	3	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính 0.5 -> 7mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu: thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, đường kính: từ 0.5 -> 7 mm - Mũi khoan có chiều dài từ 50 -> 80 mm - Tương thích máy khoan model IPC sử dụng tại viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/ 1 cái	Cái	38	2.450.000	93.100.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
131	416	N08.00.360	3	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin trong nội soi, 150 lần bắn	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin trong nội soi gấp góc đa năng, 150 lần bắn - Cán dài 15-26cm - Các bộ phận khác đi kèm: phụ kiện lắp đặt pin, pin, khay sạc pin - Tương thích với băng đạn có lưỡi dao rời - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	1	861.000.000	861.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
132	419	N08.00.380	4	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống, cỡ 18G x 3 1/4"	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống - Kim dẫn cong 18G x 3 1/4" - Catheter bằng polyamid dài 1000mm, đầu thuận nhỏ dần, có đường ngầm cân quang, đầu nối dạng nắp bật, màng lọc 0.2 micron, có bơm kháng lực, có miếng dán cố định bộ lọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Thùng/ 10 bộ	Bộ	10	369.023	3.690.230	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
133	420	N08.00.380	3	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G x 3 1/4"	Bộ gây tê ngoài màng cứng - Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, 18G x 3 1/4" - Catheter bằng polyamid và polyurethan dài 1000mm, đầu thông nhỏ dần, có đường ngầm cân quang, đầu nối dạng nắp bật, màng lọc 0.2 micron, có bơm kháng lực, có miếng dán cố định bộ lọc - Ống tiêm 2/10/20 ml luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Thùng/ 10 bộ	Bộ	4.300	274.470	1.180.221.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
134	429	K05.03.000	3	Bộ dây bơm cho tay dao 23kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 23kHz, dùng 1 lần - Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC) mềm. - Thiết kế: * Đánh dấu màu phân biệt trên thân máy chính và tay dao. * Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút. - Tốc độ tưới nhanh từ 25 -> 30ml. Áp lực đáp ứng khoảng 660mmHg. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/6 cái	Cái	240	6.500.000	1.560.000.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
135	430	K05.03.000	3	Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 36kHz, dùng 1 lần - Chất liệu bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC) mềm. - Thiết kế: * Đánh dấu màu phân biệt trên thân máy chính và tay dao. * Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút. - Tốc độ bơm từ 1->10ml - Tốc độ tưới nhanh từ 25-> 30ml. Áp lực đáp ứng khoảng 660mmHg. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/6 cái	Cái	20	6.500.000	130.000.000	Danh mục không đáp ứng HSĐXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
136	435	K07.03.000	3	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 5	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 5 - Điện cực ốc tai uốn vòng 450°. - Cuộn cảm ứng: Đường kính: ≤ 31mm; Độ dày: ≤ 3.9mm. - Nam châm: Độ dày ≤ 3.9mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3.0 Tesla không cần tháo nam châm. - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình chữ nhật, chiều dày khay ≤ 3.9mm; Kích thước (R×S×C) ≤ 24mm x 23mm x 3.9mm; Dung tích ≤ 4.2cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.2g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J. - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện. - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng: 0.4 – 0.8mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực: từ 0.5mm - 0.8 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.21 - 0.23 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 14.25mm; Chiều dài của dây điện cực nằm trong ốc tai bao gồm cả softip: ≤ 19mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: ≤ 99mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực dưới thẳng và tháo ra được. - Điện cực nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 0.6mm, dài ≤ 60mm).	Hộp/ bộ	Bộ	6	436.808.565	2.620.851.390	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
137	436	K07.03.000	3	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 6	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 6 - Điện cực ốc tai định dạng thẳng và mảnh - Cuộn cảm ứng: Đường kính: ≤ 1mm; Độ dày: ≤ 3.9mm. - Nam châm: Độ dày ≤ 3.9mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3.0 Tesla không cần tháo nam châm. - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình chữ nhật, chiều dày khay ≤ 3.9mm; Kích thước (R×S×C) ≤ 24mm x 23mm x 3.9mm; Dung tích ≤ 4.2cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng ≤ 9.2g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài ≥ 2.5J. - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện. - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng 22 điện cực; - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng: từ 0.85mm - 0.95mm; Đường kính mặt cắt ngang: ≤ 0.6 mm x 0.5 mm ở góc và 0.35 mm x 0.25 ở đầu chóp; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0.14 – 0.20 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng ≤ 19.1mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: ≤ 105mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực dưới thẳng và tháo ra được. - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng ≥ 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình cầu đường kính ≤ 0.6mm, dài ≤ 60mm).	Hộp/ bộ	Bộ	6	436.808.565	2.620.851.390	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
138	437	K07.03.000	3	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 7	Bộ cấy trong ốc tai điện từ loại 7 - Điện cực ốc tai uốn vòng 450° và mảnh. - Cuộn cảm ứng: Đường kính: $\leq 31\text{mm}$; độ dày: $\leq 3.9\text{mm}$. - Nam châm: Độ dày $\leq 3.9\text{mm}$; Tháo rời được; Chất liệu titanium hoặc tương đương; An toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3,0 Tesla không cần tháo nam châm. - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium hoặc tương đương; Hình chữ nhật, chiều dày khay $\leq 3.9\text{mm}$; Kích thước (R x S x C) $\leq 24\text{mm} \times 23\text{mm} \times 3.9\text{mm}$; Dung tích $\leq 4.2\text{cm}^3$ không bao gồm dây điện; Trọng lượng $\leq 9.2\text{g}$ bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài $\geq 2.5\text{J}$. - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện hoặc chất liệu tương đương. - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng ≥ 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng: $\leq 0.6\text{mm}$; Diện tích bề mặt tiếp xúc $0.15 - 0.16\text{ mm}^2$; Đường kính đầu chóp điện cực: $\leq 0.35\text{ mm} \times 0.4\text{ mm}$; Đường kính gốc điện cực: $0.475\text{ mm} \times 0.5\text{ mm}$; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng $\leq 14\text{mm}$; Chiều dài của dây chứa điện cực bao gồm cả đầu softip: $\leq 14.4\text{mm}$; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: $\leq 98\text{mm}$. - Có ba điểm trắng ký hiệu trên thiết bị biểu thị độ sâu khi uốn điện cực: Chỉ hiển thị sau khi vỏ ống được tháo ra; Khoảng cách giữa các điểm trắng: $\leq 1\text{mm}$; Khoảng cách từ đầu điện cực đến điểm trắng gần nhất: $\leq 19.4\text{ mm}$; Đường kính đầu điện cực: $\leq 2.1\text{ mm}$. - Sleeve: Vỏ bọc bên ngoài phaco, bảo vệ vết mổ, dẫn nước tưới vào mắt. - Test chamber: Buồng thử tiền phòng, để kiểm tra độ ổn định tiền phòng - Chất liệu bằng silicon, tái sử dụng nhiều lần - Kính thước: • Đường kính sleeve: 1.85mm cho vết mổ 2.7->3mm • Cỡ test chamber: 19G, 20G, 21G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hỗ trợ đặt máy	Hộp/ bộ	Bộ	6	436.808.565	2.620.851.390	Danh mục không đáp ứng HSBXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
139	438	K07.03.000	4	Sleeve + Test chamber	- Sleeve: Vỏ bọc bên ngoài phaco, bảo vệ vết mổ, dẫn nước tưới vào mắt. - Test chamber: Buồng thử tiền phòng, để kiểm tra độ ổn định tiền phòng - Chất liệu bằng silicon, tái sử dụng nhiều lần - Kính thước: • Đường kính sleeve: 1.85mm cho vết mổ 2.7->3mm • Cỡ test chamber: 19G, 20G, 21G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Hỗ trợ đặt máy	Hộp/ 6 cái	Cái	6	935.000	5.610.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
140	439	K07.04.000	3	Dụng cụ cầm máu dạng phun dài 220cm	Dụng cụ cầm máu để cầm máu trong xuất huyết tiêu hóa - Bao gồm: 2 catheter 7Fr và 10Fr, dài 220cm, dùng cho kênh ống soi 2.8mm hoặc 3.7mm - Tay cầm gồm: Bình CO2, bình bột khoáng cầm máu. - Cầm máu bằng bột khoáng không thấm thấu vào cơ thể người, không đông nhiệt, không gây tổn thương nơi chảy máu, không tiếp xúc với điểm chảy máu, không cần tìm chính xác điểm chảy máu. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	15	22.000.000	330.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
141	445	K07.04.000	3	Dụng cụ dẫn đường dạng thẳng, đường kính 4F đến 18F	Dụng cụ dẫn đường sử dụng luồn bóng hoặc các dụng cụ chấn đoán và can thiệp khác, dạng thẳng, đường kính từ 4F đến 18F, chiều dài 13cm, van cầm máu, - Tương thích dây dẫn 0.035" và 0.038"; chiều dày dẫn dài 50cm, đầu chữ J 3mm; và dụng cụ nong dài từ 20-24cm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA.	Hộp/bộ	Bộ	20	1.700.000	34.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
142	448	K07.05.000	6	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Dụng cụ cắt bao quy đầu điều trị hẹp, dài bao quy đầu, - Ghim khâu được làm bằng thép không gỉ 316L, sinh học. - Chiều dài: 128mm → 136mm; đường kính ngoài: 22.6 → 46mm; đường kính trong 16mm → 38mm - Dụng cụ này có vòng silicon cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	hộp/ cái	cái	350	2.700.000	945.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
143	456	N00.00.000	3	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da - Chất liệu: bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200cm 2 Khăn mổ thận lấy sỏi qua da B 200 x 270cm 1 Khăn có keo: 80 x 200cm 2 Khăn thấm 30 x 40cm 1 Bao chụp đầu đèn size L Ø 75cm Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo dính chặt Túi chứa dịch lỏng với màng lọc và co nổi - Thiết kế lỗ 15 x 15 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/ 15 bộ	Bộ	30	220.500	6.615.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
144	469	N00.00.000	3	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23kHz	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu - Chất liệu nhựa y tế. Giắc nối 3 chân đồng tương thích ổ cắm monopolar tiêu chuẩn trên các loại dao mổ điện thông dụng. - Tương thích với tay dao mổ siêu âm 23 kHz cho phép phẫu thuật siêu âm và cầm máu bằng điện cùng một lúc, ngay trên cùng 1 tay dao. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/6 cái	Cái	80	3.100.000	248.000.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
145	473	N00.00.000	6	Chất làm đầy da dùng tiêm vào lớp giữa hạ bì	Chất làm đầy da dùng tiêm vào lớp giữa hạ bì - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo, Mức độ liên kết chéo 6%, độ cứng gel ~170Pa, 24mg/ml và lidocain 3mg/ml. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2/ml. - Đặc tính: Dạng gel tinh khiết, trơn mịn, vô khuẩn, trong suốt, đóng trong ống tiêm bằng nhựa 1ml. - 04 kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 30G 1/2 inch - Hiện quả kéo dài 12 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 2 ống Ống/ 1ml	Ống	30	4.200.000	126.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QB 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
146	474	N00.00.000	6	Chất làm đầy dành cho vùng da dưới hạ bì giữa sâu	- Chất làm đầy dành cho vùng da dưới hạ bì giữa sâu - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo, Mức độ liên kết chéo 8%, độ cứng gel ~200Pa, 24mg/ml và lidocain 3mg/ml. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2/ml. - Đặc tính: Dạng gel tinh khiết vô khuẩn, trong suốt, đóng trong ống tiêm bằng thủy tinh 1ml - 04 kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 27G 1/2 inch - Hiệu quả kéo dài 12 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 2 ống Ống/ 1ml	Ống	30	4.536.000	136.080.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
147	478	N00.00.000	6	Chất làm đầy dành cho vùng mặt, tiêm vào lớp dưới hạ bì sát xương.	- Chất làm đầy dành cho vùng mặt, tiêm vào lớp dưới hạ bì sát xương. - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo, mức độ liên kết chéo <5%, độ cứng gel ~350Pa, 20mg/ml và lidocain 3mg/ml. Dung dịch đệm phosphate pH 7,2/ml. - Đặc tính: trơn mịn, tinh khiết vô khuẩn, trong suốt, được chứa trong ống tiêm bằng nhựa 1ml - 04 Kim tiêm bằng thép không gỉ, cỡ 27G 1/2 inch - Hiệu quả kéo dài 24 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 2 ống Ống/ 1ml	Ống	30	5.071.500	152.145.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
148	479	N00.00.000	6	Chất làm đầy tạo khối, làm đầy các nếp nhăn	- Chất làm đầy tạo khối, làm đầy các nếp nhăn, làm từ acid hyaluronic 24mg/ml, phân hủy sinh học, trong suốt - Dạng gel trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA/ISO/CE	Hộp/ ống	ống	12	5.775.000	69.300.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
149	487	N00.00.000	3	Dụng cụ chống mờ hơi nước	- Dụng cụ chống mờ hơi nước - Dung tích 6ml - Dung dịch hoạt tính bề mặt có chứa nước gồm: Sodium lauryl ether sulfate 5-10%, Polyethylene Glycol -7-glyceryl cocostate 1-3% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/10 cái	Cái	500	156.000	78.000.000	Danh mục không có sản phẩm dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSMT
150	488	N00.00.000	5	Dụng cụ cồng bàn tay	- Dụng cụ cồng bàn tay: - Chất liệu: bằng nhựa PVC - Đặc điểm: + Thiết kế 2 vòng tròn, đường kính: 10 -12 cm + 2 vòng tròn được gắn liền với 2 đầu màng ống cao su thiên nhiên, co giãn, đàn hồi tốt + Chiều dài màng ống cao su 12 - 15 cm - Tiệt khuẩn	Gói/ cái	Cái	1.000	29.400	29.400.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
151	489	N00.00.000	3	Dụng cụ treo bộ lưới gia cố sàn âm đạo	- Dụng cụ treo bộ lưới gia cố sàn âm đạo trong điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng thép y tế, cán bằng silicon mềm - Chiều dài tổng 316 mm - Chiều dài tay cầm: 127 mm - Đường kính vòng dụng cụ: 40 mm - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	2	7.500.000	15.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự

STT	STT theo HSMT	Mã thông tư 04 (QĐ 5086)	Phân nhóm TT 14	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
152	490	N00.00.000	5	Hộp đựng kim phẫu thuật 29x8x4cm	Hộp đựng kim phẫu thuật, - Chất liệu nhựa - Kích thước: 29 x 8 x 4cm Gồm 2 khay: - Khay 1 chứa mouse mềm để ghim cố định dao và kim phẫu thuật, - Khay 2: chia thành 6 ô nhỏ (4x4cm), đựng đựng các vỏ bao bì của dao và chỉ phẫu thuật, - Có in số thứ tự kiểm soát số lượng kim chính xác, - Tiết kiệm	100 Cái/Bao	Cái	12.000	16.698	200.376.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
153	493	N00.00.000	3	Miếng lau đầu đốt dao phẫu thuật 4.5x4.5cm	Miếng lau đầu dao đốt để loại bỏ mỡ, dùng 1 lần, không latex, mặt sau có keo dính để gắn vào xe đẩy hoặc giá - Kích thước 4.5x4.5cm - Tiết kiệm - Tiêu chuẩn ISO/CE	Hộp/100 cái	Cái	15.000	24.000	360.000.000	Danh mục không có nhà thầu tham dự
154	500	N00.00.000	5	Bảng đếm gác phẫu thuật loại 10 ô	Bảng đếm gác phẫu thuật, chất liệu giấy có phủ lớp chống thấm nước, đạt độ chịu lực tốt, - Gồm 2 lớp: lớp phía trước trong suốt phía trên, lớp phía sau màu trắng, có in các con số và các đường viền ô kiểm soát số lượng gác chính xác, - Kích thước bảng 35x83cm, có 10 ô, có 5 hàng, kích thước ô 15.2x11.5cm, chứa 10 miếng gác kích thước 10 x 10cm - Có 2 lỗ treo giúp bảng đếm thẳng, - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/ 500 cái	Cái	3.000	18.040	54.120.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
155	501	N00.00.000	5	Bảng đếm gác phẫu thuật loại 15 ô	Bảng đếm gác phẫu thuật, chất liệu giấy có phủ lớp chống thấm nước, đạt độ chịu lực tốt, - Gồm 2 lớp: lớp phía trước trong suốt phía trên, lớp phía sau màu trắng, có in các con số và các đường viền, kiểm soát số lượng gác chính xác, - Kích thước bảng 51x83cm, có 15 ô, có 5 hàng, kích thước ô 16.3x12cm, chứa 15 miếng gác kích thước 40 x 40cm - Có 2 lỗ treo giúp bảng đếm thẳng, - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/ 500 cái	Cái	16.000	20.020	320.320.000	Danh mục không đáp ứng HSDXTC (Nhà thầu duy nhất, vượt giá KH)
156	517	N00.00.000	3	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục	Bình CO2 dùng cho băng đạn bắn liên tục - Tương thích với tay cầm cùng hãng - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp / 3 cái	Cái	90	220.440	19.839.600	Danh mục không có nhà thầu tham dự
					Tổng cộng					85.090.903.100	
(Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ không trăm chín mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn một trăm đồng)											